



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**
Số: /ĐA-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 7466/BNV-CQĐP ngày 18/12/2023 về việc góp ý Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
2. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.
3. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14.

4. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

5. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

6. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

7. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

8. Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025;

9. Phương án số 01/PA-UBND ngày 08/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Sóc Trăng; Thông báo số 1130-TB/TU ngày 02/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Sóc Trăng.

10. Công văn số 7466/BNV-CQĐP ngày 18/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc góp ý Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Sóc Trăng.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

Sóc Trăng là tỉnh nằm ở hạ lưu sông Cửu Long, được thành lập vào năm 1991 theo Nghị quyết Quốc Hội VIII, kỳ họp thứ 10, ngày 26/12/1991 chia tỉnh Hậu Giang thành 02 tỉnh, lấy tên là tỉnh Cần Thơ và tỉnh Sóc Trăng, đến tháng 4 năm 1992, tỉnh Sóc Trăng chính thức đi vào hoạt động cho đến nay; phía Bắc giáp tỉnh Hậu Giang, phía Tây giáp tỉnh Bạc Liêu, phía Đông giáp sông Hậu, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Trà Vinh, phía Nam giáp biển Đông, có chiều dài đường bờ biển là 72 km. Tỉnh lỵ hiện nay là thành phố Sóc Trăng. Tỉnh Sóc Trăng hiện có 3.298,20 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 1.686.681 người. Sóc Trăng có 11 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc gồm 01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện. Tổng số đơn vị hành chính cấp xã trên toàn tỉnh là 109 đơn vị trong đó có 17 phường, 12 thị trấn, 80 xã và 775 ấp, khóm, tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh loại II (tại Quyết định số 1432/QĐ-TTg ngày 03/10/2008).

Thành phố Sóc Trăng là thành phố nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh, giáp với phần lớn huyện thị trong tỉnh; cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 218 km về phía Nam và cách thành phố Cần Thơ khoảng 62 km về phía Nam. Thành phố có 10 phường với 60 khóm, hiện là một trong sáu thành phố của cả nước không có xã nào trực thuộc; thành phố Sóc Trăng hiện có diện tích tự nhiên 75,99 km², quy mô dân số 160.486 người. Thành phố Sóc Trăng có nhiều thuận lợi về vị trí để phát triển kinh tế - xã hội, đây là một trong những đô thị trung tâm của Đồng bằng sông Cửu

Long, là đô thị trung tâm tổng hợp cấp tỉnh, có điều kiện để phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ, du lịch.

Ngày 26/12/1991 Quốc Hội VIII, kỳ họp thứ 10, đã ban hành nghị quyết chia tỉnh Hậu Giang thành 02 tỉnh, lấy tên là tỉnh Cần Thơ và tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng có 07 đơn vị hành chính gồm: thị xã Sóc Trăng và 6 huyện: Kế Sách, Mỹ Tú, Long Phú, Thạnh Trị, Mỹ Xuyên, Vĩnh Châu, với diện tích tự nhiên 3.138,67 km², dân số 1.067.167 người. Tỉnh lỵ: thị xã Sóc Trăng. Ngày 30/10/1995 theo quy định tại Nghị định số 70-CP của Chính phủ điều chỉnh địa giới thị xã Sóc Trăng thuộc tỉnh Sóc Trăng và thành lập thêm 04 phường thuộc thị xã, gồm: Phường 7, Phường 8, Phường 9 và Phường 10. Theo quy định tại Nghị định số 22/2007/NĐ-CP ngày 08/02/2007 của Chính phủ đã thành lập thành phố Sóc Trăng thuộc tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số và các đơn vị hành chính trực thuộc của thị xã Sóc Trăng.

Phường 1, thành phố Sóc Trăng là phường đô thị nội ô, nằm ở trung tâm thành phố Sóc Trăng và tỉnh Sóc Trăng, là nơi đầu mối giao lưu kinh tế với các huyện, thị, thành trong và ngoài tỉnh. Phường 1 hiện nay có diện tích tự nhiên 0,29 km² và quy mô dân số 6.587 người. Phường 1 có 04 khóm gồm: Khóm 1, Khóm 2, Khóm 3 và Khóm 4. Phường 1 được hình thành từ khi tỉnh Sóc Trăng được tái thành lập theo Nghị quyết Quốc Hội VIII, kỳ họp thứ 10, ngày 26/12/1991 chia tỉnh Hậu Giang thành 02 tỉnh, lấy tên là tỉnh Cần Thơ và tỉnh Sóc Trăng và thuộc thị xã Sóc Trăng từ năm 1991 đến năm 2007 thì thuộc thành phố Sóc Trăng cho đến nay.

Phường 9, thành phố Sóc Trăng là phường đô thị nội ô thành phố Sóc Trăng, phần đông người dân sinh sống mua bán nhỏ lẻ, làm nông nghiệp và lao động phổ thông, đời sống kinh tế tương đối ổn định. Phường 9 hiện nay có diện tích tự nhiên 5,31 km² và quy mô dân số 10.887 người. Phường 9 có 06 khóm gồm: Khóm 1, Khóm 2, Khóm 3, Khóm 4, Khóm 5 và Khóm 6. Phường 9 được hình thành vào năm 1995 theo quy định tại Nghị định số 70-CP của Chính phủ ngày 30/10/1995 điều chỉnh địa giới thị xã Sóc Trăng thuộc tỉnh Sóc Trăng và thành lập các phường thuộc thị xã, trong đó chia Phường 4 để thành lập Phường 9 và Phường 4.

Từ khi đất nước hoàn toàn thống nhất tới nay, các đơn vị hành chính đã có nhiều lần thay đổi lớn. Đó là giai đoạn hợp nhất và giai đoạn chia, tách, thành lập mới các đơn vị hành chính của 3 cấp tỉnh, huyện, xã từ cuối những năm 80, đầu thập kỷ 90 và kéo dài cho đến năm 2013 (khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành). Đối với đơn vị hành chính nói chung và các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nói riêng, sự biến động thường xuyên của các đơn vị hành chính đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh và cuộc sống của nhân dân. Tại thành phố Sóc Trăng nói riêng và tỉnh Sóc Trăng nói chung cũng đã nhiều lần chia tách và sáp nhập đơn vị hành chính.

Quá trình chia, tách, điều chỉnh, nhập, thành lập mới đơn vị hành chính các cấp trong giai đoạn trước, khi mà nền kinh tế cũng như trình độ khoa học công nghệ chưa phát triển đã đạt được những kết quả nhất định như việc quản lý của chính quyền gần dân hơn, sau khi chia tách các đơn vị được sự đầu tư từ ngân sách nhà nước nên có những thay đổi mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội, đời sống người dân được cải thiện, an ninh trật tự - an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, ngoài những mặt đạt được, việc chia, tách đơn vị hành chính có quy mô nhỏ không còn phù hợp khi trình độ phát triển của nền kinh tế nước ta đã đạt được trong thời kỳ đổi mới. Trong xu thế toàn cầu hóa cùng sự bùng nổ của thông tin truyền thông và công nghệ số hiện nay của thế giới, thì sự chia nhỏ đơn vị hành chính dẫn đến phân tán các nguồn lực, tiềm năng phát triển của các địa phương, làm cho bộ máy nhà nước thêm công kênh, tăng biên chế cán bộ, công chức, viên chức, gây lãng phí ngân sách cho đầu tư xây dựng trụ sở làm việc...

Để đáp ứng với yêu cầu thực tế cũng như hạn chế những bất cập của việc chia, tách các đơn vị hành chính trong thời gian qua, hiện tại có rất nhiều đơn vị hành chính không đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo quy định; đồng thời để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước quy định tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, đã làm cơ sở pháp lý cho việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Sóc Trăng theo Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn 2023 - 2025.

Do vậy, việc xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã không đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định, ở tỉnh Sóc Trăng nói chung và các phường thuộc thành phố Sóc Trăng nói riêng là cần thiết, góp phần tinh gọn bộ máy, giảm chi tiêu công, giảm áp lực xã hội và tập trung được nguồn lực đủ mạnh để mở ra nhiều phương hướng phát triển về mọi lĩnh vực theo các tiêu chí phát triển cao hơn, góp phần xây dựng địa phương hiện đại và cải thiện cuộc sống tốt hơn, tiện nghi hơn cho nhân dân tại địa phương. Trong thời đại Kỷ nguyên số và Chính phủ điện tử góp phần đem lại sự thuận tiện, cung cấp các dịch vụ công một cách hiệu quả và kịp thời cho người dân, doanh nghiệp, các cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời tạo sự đơn giản hóa các thủ tục và tăng tính hiệu quả của quá trình xử lý công việc, thay đổi phương thức giải quyết công việc của các cơ quan theo hướng hiện đại thoát ly khỏi phương thức thủ công truyền thống, cũng như xóa bỏ sự hạn chế về mặt không gian và thời gian giải quyết nhu cầu của người dân. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta nói chung và của địa phương nói riêng, đã tạo sự đầu tư mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng mà đặc biệt là hệ thống giao thông - vận tải ngày càng thuận lợi trong việc di chuyển của người dân. Vì vậy, việc mở rộng các địa giới các đơn vị hành chính không đạt tiêu chuẩn quy định, không quá ảnh hưởng tiêu cực đến việc đi lại giao dịch công của người dân tại địa phương.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Đáp ứng được yêu cầu xây dựng bộ máy chính quyền cấp cơ sở gọn nhẹ, hiệu quả, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và giảm chi phí ngân sách nhà nước. Đồng thời việc sắp xếp

ĐVHC các phường cũng sẽ góp phần mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của các phường thuộc thành phố Sóc Trăng để phát triển bền vững. Hiện trạng do Phường 1, thành phố Sóc Trăng, có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% so với quy định (cụ thể Phường 1, thành phố Sóc Trăng có diện tích tự nhiên là 0,29 km², đạt 5,27% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.587 người, đạt 94,10% so với tiêu chuẩn). Vì thế, tỉnh Sóc Trăng thực hiện xây dựng "*Đề án sắp xếp ĐVHC Phường 1 thuộc thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng*".

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, GIẢI THỂ, NHẬP, CHIA, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH SÓC TRĂNG TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của địa phương từ năm 1945 đến nay (chia ra các giai đoạn: 1945 - 1975; 1975 - 1997; 1997 - 2018 và từ 2019 đến nay)

1.1. Giai đoạn 1945 - 1975:

a) Năm 1957

- Theo quy định tại Nghị định số 118-BNV/HC/NĐ của Bộ trưởng Nội vụ VNCH ngày 10/4/1957 thì tỉnh Ba Xuyên tỉnh lỵ Khánh Hưng (trong đó có tỉnh Sóc Trăng) có 8 quận và 73 xã gồm: Quận Châu Thành Bà Xuyên (quận lỵ Mỹ Xuyên), Thạnh Trị, Long Phú (quận lỵ Long Phú), Giá Rai (quận lỵ Phong Thinh), Vĩnh Lợi (quận lỵ Vĩnh Lợi), Bó Thảo (quận lỵ Thuận Hòa), Lịch Hội Thượng (quận lỵ Lịch Hội Thượng), Phước Long (quận lỵ Phước Long).

- Theo quy định tại Nghị định số 259-BNV/NC/NĐ và 348-BNV/NC/NĐ của Bộ trưởng Nội vụ VNCH ngày 13/8/1957 thì tỉnh Ba Xuyên tỉnh lỵ Khánh Hưng (trong đó có tỉnh Sóc Trăng) gồm 08 quận, 16 tổng và 73 xã gồm: Quận Châu Thành Bà Xuyên (quận lỵ Mỹ Xuyên) có 02 tổng Nhiều Khánh và Nhiều Hòa; Lịch Hội Thượng (quận lỵ Lịch Hội Thượng) có 02 tổng Định Phước và Định chí; Thạnh Trị có 03 tổng Thạnh An, Thạnh Lợi và Thạnh Lộc; Long Phú (quận lỵ Long Phú) có 02 tổng Định Mỹ và Định Hòa; Bó Thảo (quận lỵ Thuận Hòa) có 02 tổng Thuận Mỹ và Thuận Phú; Vĩnh Lợi (quận lỵ Vĩnh Lợi) có 02 tổng Thạnh Hòa và Thạnh Hưng; Giá Rai (quận lỵ Phong Thạnh) có tổng Long Thủy; Phước Long (quận lỵ Phước Long) có 02 tổng Thanh Bình và Thanh Yên.

b) Năm 1958

Theo quy định tại Nghị định số 9-BNV/NC/NĐ của Bộ trưởng Nội vụ VNCH ngày 13/1/1958 ấn định lại các đơn vị hành chính thuộc tỉnh Ba Xuyên tỉnh lỵ Khánh Hưng (trong đó có tỉnh Sóc Trăng) gồm 07 quận, 14 tổng và 68 xã gồm: Quận Mỹ Xuyên (Châu Thành cũ) quận lỵ Mỹ Xuyên, có 02 tổng Nhiều Khánh (04 xã) và

Nhiều Hòa (05 xã); Thanh Trị có 02 tổng Thanh An (05 xã) và Thanh Lộc (05 xã); Long Phú quận lỵ Long Phú, có 03 tổng Định Mỹ (05 xã), Định Phước (04 xã) và Định Hòa (08 xã); Thuận Hòa (Bố Thảo cũ) quận lỵ Ngã tư chợ Mỹ Tú, có 02 tổng Thuận Mỹ (03 xã) và Thuận Phú (03 xã); Vĩnh Lợi quận lỵ Vĩnh Lợi, có 02 tổng Thanh Hòa (05 xã) và Thanh Hưng (05 xã); Giá Rai quận lỵ Phong Thạnh, có tổng Long Thủy (04 xã); Phước Long quận lỵ Phước Long có 02 tổng Thanh Bình (05 xã) và Thanh Yên (04 xã).

c) Năm 1965

Theo quy định tại Nghị định số 2196-NV của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp T.U VNCH ngày 11/12/1965 tác lập quận Lịch Hội Thượng thuộc tỉnh Ba Xuyên, quận lỵ đặt tại xã Lịch Hội Thượng, quận Lịch Hội Thượng có 04 xã: Lịch Hội Thượng, Trung Bình, Liêu Tú, Viên An.

d) Năm 1968

- Theo quy định tại Sắc lệnh số 78/SL/NV của VNCH ngày 11/7/1968 thiết lập tại tỉnh Ba Xuyên một quận mới lấy tên là quận Hòa Trị.

- Theo quy định tại Sắc lệnh số 466-NV của Thủ tướng VNCH ngày 16/9/1968 sáp nhập quận Kế Sách thuộc tỉnh Phong Dinh vào tỉnh Ba Xuyên.

- Theo quy định tại Nghị định số 1180-NĐ/NV của VNCH ngày 14/11/1968 sáp nhập hai xã Phú Tâm và Thuận Hòa nguyên thuộc tổng Thuận Mỹ, quận Thuận Hòa, tỉnh Ba Xuyên vào tổng Định Khánh, quận Kế Sách cùng tỉnh. Sáp nhập xã An Ninh nguyên thuộc tổng Thuận Mỹ, quận Thuận Hòa, tỉnh Ba Xuyên vào tổng Thuận Phú cùng quận.

đ) Năm 1969

- Theo quy định tại Sắc lệnh số 070-NĐ/NV của Thủ tướng VNCH ngày 16/6/1969 thành lập tại tỉnh Ba Xuyên một quận mới lấy tên là quận Ngã Năm, quận lỵ đặt tại Ngã Năm thuộc địa phận xã Vĩnh Quới. Quận Ngã Năm gồm 05 xã: Tân Long, Mỹ Quới, Vĩnh Lợi, Vĩnh Quới (04 xã này nguyên thuộc tổng Thanh Lộc, quận Thanh Trị, tỉnh Ba Xuyên), Vĩnh Tân (nguyên thuộc tổng Thanh Tuyền, quận Long Mỹ, tỉnh Chương Thiện).

1.2. Từ năm 1975 đến cuối năm 1997:

a) Từ năm 1975 - 1976

Sau ngày 30/4 ở miền Nam có 44 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thực hiện Nghị quyết số 245-NQ/TW ngày 20/9/1975 của Bộ Chính trị về việc bỏ khu, hợp tỉnh và Nghị quyết số 19/NQ ngày 20/12/1975 của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh việc hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam, tháng 02/1976 Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam đã ra Nghị định về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị định này, ở miền Nam có 21 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, trong đó tỉnh Hậu Giang (gồm tỉnh Cần Thơ và tỉnh Sóc Trăng), sau đây gọi tắt là tỉnh Hậu Giang (cũ).

b) Năm 1979

- Theo quy định tại Quyết định số 174-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 21/4/1979 chia một số xã thuộc các huyện Long Mỹ, Thạnh Trị, Kế Sách và Phụng Hiệp thuộc tỉnh Hậu Giang (cũ), cụ thể:

+ Huyện Thạnh Trị: Chia xã Vĩnh Quới thành 02 xã lấy tên là xã Vĩnh Quới và xã Vĩnh Biên. Chia xã Tuân Túc thành 02 xã lấy tên là xã Tuân Túc và xã Thạnh Cường. Chia xã Vĩnh Lợi thành 02 xã lấy tên là xã Vĩnh Lợi và xã Vĩnh Tân. Chia xã Mỹ Quới thành 03 xã lấy tên là xã Mỹ Quới, xã Lê Hoàng Chu và xã Mai Thanh Thế. Chia xã Châu Hưng thành 02 xã lấy tên là xã Châu Hưng và xã Nam Quang. Chia xã Tân Long thành 02 xã lấy tên là xã Tân Long và xã Dân Hoà.

+ Huyện Kế Sách: Chia xã Ba Trinh thành 02 xã lấy tên là xã Ba Trinh và xã Trinh Phú. Chia xã Kế An thành 02 xã lấy tên là xã Kế An và xã Kế Thành.

c) Năm 1982

- Theo quy định tại Quyết định số 111-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 07/7/1982 phân vạch địa giới một số xã của huyện Mỹ Xuyên và huyện Thạnh Trị thuộc tỉnh Hậu Giang (cũ), cụ thể:

+ Huyện Mỹ Xuyên: Chia xã Thạnh Quới thành 02 xã lấy tên là xã Thạnh Quới và xã Thạnh Hưng. Chia xã Thạnh Phú thành 02 xã lấy tên là xã Thạnh Phú và xã Thạnh Lợi. Chia xã Đại Tâm thành 02 xã lấy tên là xã Đại Tâm và xã Đại Chí. Chia xã Tham Đôn thành 02 xã lấy tên là xã Tham Đôn và xã Tham Đôn II. Chia xã Tài Văn thành 02 xã lấy tên là xã Tài Văn và xã Tài Chương. Chia xã Gia Hoà thành 02 xã lấy tên là xã Gia Hoà và xã Gia Hoà Đông. Chia xã Viên An thành 03 xã lấy tên là xã Viên An, xã Viên Bình và xã Viên Hòa. Chia xã Ngọc Tố thành 03 xã lấy tên là xã Ngọc Tố, xã Ngọc Đông và xã Ngọc Anh. Chia xã Hoà Tú thành 03 xã lấy tên là xã Hoà Tú, xã Hoà Phú và xã Hoà Đức. Chia xã Thạnh Thới An thành 04 xã lấy tên là xã Thạnh Thới An, xã Thạnh Thới Thuận, xã Thạnh Thới Hòa và xã Thạnh Thới Bình.

+ Huyện Thạnh Trị: Chia xã Lâm Kiết thành 02 xã lấy tên là xã Lâm Kiết và xã Lâm Tân. Chia xã Thạnh Trị thành 02 xã lấy tên là xã Thạnh Trị và xã Thạnh Tân.

d) Năm 1988

- Theo quy định tại Quyết định số 197-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 23/12/1988 phân vạch địa giới hành chính một số xã của huyện Mỹ Tú thuộc tỉnh Hậu Giang (cũ), cụ thể:

+ Tách 290,60 ha diện tích tự nhiên và 507 nhân khẩu của xã Long Hưng; 431 ha diện tích tự nhiên và 1.121 nhân khẩu của xã An Ninh; 523,14 ha diện tích tự nhiên và 1.892 nhân khẩu của xã Hồ Đắc Kiện; 1.100 ha diện tích tự nhiên và 5.501 nhân khẩu của xã Mỹ Hương để thành lập xã Thiện Mỹ. Xã Thiện Mỹ có 2.344,74 ha diện tích tự nhiên và 8.571 nhân khẩu. Sau khi phân vạch lại địa giới hành chính: xã Long Hưng có 7.384,8 ha diện tích tự nhiên và 20.242 nhân khẩu; xã An Ninh có 7.540,99 ha diện tích tự nhiên và 29.939 nhân khẩu; xã Hồ Đắc Kiện có 5.558,13 ha diện tích tự nhiên và 19.320 nhân khẩu; xã Mỹ Hương có 3.059,68 ha diện tích tự nhiên và 10.201 nhân khẩu.

+ Chia xã Hồ Đắc Kien thành 02 xã, lấy tên là xã Hồ Đắc Kien và xã Thuận Hòa: Xã Hồ Đắc Kien (mới) có 2.558,40 ha diện tích tự nhiên và 8.950 nhân khẩu. Xã Thuận Hòa có 2.999,73 ha diện tích tự nhiên và 10.470 nhân khẩu.

+ Chia xã Long Hưng thành 02 xã, lấy tên là xã Long Hưng và xã Hưng Phú: Xã Long Hưng (mới) có 3.642,55 ha diện tích tự nhiên và 11.122 nhân khẩu. Xã Hưng Phú có 3.742,27 ha diện tích tự nhiên và 9.120 nhân khẩu.

+ Chia xã An Ninh thành 02 xã, lấy tên là xã An Ninh và xã An Hiệp: Xã An Ninh (mới) có 3.952,35 ha diện tích tự nhiên và 15.801 nhân khẩu. Xã An Hiệp có 3.588,64 ha diện tích tự nhiên và 14.138 nhân khẩu.

+ Tách 861,90 ha diện tích tự nhiên và 1.465 nhân khẩu của xã Mỹ Phước; 401,57 ha diện tích tự nhiên và 626 nhân khẩu của xã Phú Mỹ; 2.062,66 ha diện tích tự nhiên và 4.339 nhân khẩu của xã Thuận Hưng để thành lập xã Mỹ Thuận. Xã Mỹ Thuận có 3.326,13 ha diện tích tự nhiên và 6.430 nhân khẩu. Sau khi phân vạch lại địa giới hành chính: Xã Mỹ Phước có 6.563,31 ha diện tích tự nhiên và 13.266 nhân khẩu; xã Phú Mỹ có 3.818,05 ha diện tích tự nhiên và 12.602 nhân khẩu; xã Thuận Hưng có 3.679,91 ha diện tích tự nhiên và 12.912 nhân khẩu.

+ Chia xã Phú Tâm thành 02 xã, lấy tên là xã Phú Tâm và xã Phú Tân: xã Phú Tâm (mới) có 3.843,42 ha diện tích tự nhiên và 14.314 nhân khẩu. Xã Phú Tân có 2.618,92 ha diện tích tự nhiên và 12.282 nhân khẩu.

đ) Năm 1989

- Theo quy định tại Quyết định số 128-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 16/9/1989 phân vạch địa giới hành chính một số xã, thị trấn của các huyện Ô Môn, Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên, Châu Thành, Thốt Nốt, Phụng Hiệp, Thạnh Trị và Vị Thanh thuộc tỉnh Hậu Giang (cũ), cụ thể:

+ Huyện Vĩnh Châu có 1 thị trấn và 13 xã: Thị trấn Vĩnh Châu có 675,99 ha diện tích tự nhiên và 12.096 nhân khẩu; xã Lai Hoà có 3.929,32 ha diện tích tự nhiên và 12.981 nhân khẩu; xã Hoà Hải có 4.226,97 ha diện tích tự nhiên và 9.875 nhân khẩu; xã Vĩnh Tân có 2.835,44 ha diện tích tự nhiên và 6.931 nhân khẩu; xã Vĩnh Phước có 2.778,90 ha diện tích tự nhiên và 9.523 nhân khẩu; xã Vĩnh Tiến có 3.533,09 ha diện tích tự nhiên và 9.266 nhân khẩu; xã Vĩnh Hiệp có 2.748,51 ha diện tích tự nhiên và 5.128 nhân khẩu; xã Hoà Thanh có 2.331,68 ha diện tích tự nhiên và 5.065 nhân khẩu; xã Khánh Hoà có 2.417,35 ha diện tích tự nhiên và 4.712 nhân khẩu; xã Hoà Đông có 3.273,66 ha diện tích tự nhiên và 5.817 nhân khẩu; xã Vĩnh Châu có 2.857,97 ha diện tích tự nhiên và 9.898 nhân khẩu; xã Vĩnh Hoà có 2.315,02 ha diện tích tự nhiên và 8.220 nhân khẩu; xã Lạc Hoà có 4.367,57 ha diện tích tự nhiên và 9.023 nhân khẩu; xã Vĩnh Hải có 7.416,04 ha diện tích tự nhiên và 12.713 nhân khẩu.

+ Huyện Mỹ Xuyên có 01 thị trấn và 15 xã: Thị trấn Mỹ Xuyên có 1.175,45 ha diện tích tự nhiên và 15.202 nhân khẩu; xã Thạnh Quới có 4.347 ha diện tích tự nhiên và 15.571 nhân khẩu; xã Thạnh Phú có 4.753,92 ha diện tích tự nhiên và 13.612 nhân khẩu; xã Đại Tâm có 3.290,05 ha diện tích tự nhiên và 14.334 nhân khẩu; xã Tham Đôn có 4.419,43 ha diện tích tự nhiên và 11.254 nhân khẩu; xã Tài

Văn có 4.044,74 ha diện tích tự nhiên và 11.578 nhân khẩu; đổi tên xã Gia Hoà thành xã Gia Hoà I, xã Gia Hoà I có 2.536,52 ha diện tích tự nhiên và 4.366 nhân khẩu; đổi tên xã Gia Hoà Đông thành xã Gia Hoà II, xã Gia Hoà II có 2.775,75 ha diện tích tự nhiên và 5.388 nhân khẩu; xã Viên An có 3.181,55 ha diện tích tự nhiên và 8.397 nhân khẩu; xã Viên Bình có 2.446,56 ha diện tích tự nhiên và 4.734 nhân khẩu; xã Ngọc Tố có 2.856,31 ha diện tích tự nhiên và 5.521 nhân khẩu; xã Ngọc Đông có 3.269,55 ha diện tích tự nhiên và 7.896 nhân khẩu; đổi tên xã Hoà Tú thành xã Hoà Tú I, xã Hoà Tú I có 3.147,13 ha diện tích tự nhiên và 6.088 nhân khẩu; đổi tên xã Hoà Phú thành xã Hoà Tú II, xã Hoà Tú II có 3.576,40 ha diện tích tự nhiên và 6.314 nhân khẩu; xã Thạnh Thới An có 4.027,34 ha diện tích tự nhiên và 7.891 nhân khẩu; xã Thạnh Thới Thuận có 4.070,78 ha diện tích tự nhiên và 7.249 nhân khẩu.

+ Huyện Thạnh Trị có 02 thị trấn và 12 xã: thị trấn Phú Lộc có 2.403,26 ha diện tích tự nhiên và 15.492 nhân khẩu; thị trấn Ngã Năm có 1.517,03 ha diện tích tự nhiên và 9.100 nhân khẩu; xã Vĩnh Quới có 3.147,32 ha diện tích tự nhiên và 8.533 nhân khẩu; xã Lâm Tân có 3.618,27 ha diện tích tự nhiên và 5.492 nhân khẩu; xã Lâm Kiết có 2.381,73 ha diện tích tự nhiên và 6.295 nhân khẩu; xã Thạnh Trị có 3.530,38 ha diện tích tự nhiên và 8.184 nhân khẩu; xã Thạnh Tân có 3.745,73 ha diện tích tự nhiên và 7.130 nhân khẩu; xã Châu Hưng có 4.564,23 ha diện tích tự nhiên và 16.095 nhân khẩu; xã Tân Long có 5.977,84 ha diện tích tự nhiên và 11.753 nhân khẩu; xã Vĩnh Biên có 3.572,85 ha diện tích tự nhiên và 7.547 nhân khẩu; xã Long Tân có 4.168,30 ha diện tích tự nhiên và 14.737 nhân khẩu; xã Mỹ Quới có 4.507,95 ha diện tích tự nhiên và 11.083 nhân khẩu; xã Vĩnh Lợi có 4.547,21 ha diện tích tự nhiên và 10.422 nhân khẩu; xã Tuân Tức có 2.883,53 ha diện tích tự nhiên và 6.607 nhân khẩu.

e) Năm 1990

- Theo quy định tại Quyết định số 547/TCCP của Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính Phủ ngày 07/12/1990 phân vạch, điều chỉnh lại địa giới hành chính một số xã, thị trấn của các huyện Châu Thành, Phụng Hiệp, Vĩnh Châu thuộc tỉnh Hậu Giang (cũ):

+ Giải thể xã Hoà Hải; Sáp nhập 1.348 ha diện tích tự nhiên và 3.932 nhân khẩu của xã Hoà Hải (cũ) vào xã Lai Hoà; sáp nhập phần còn lại của xã Hoà Hải gồm 2.370,06 ha diện tích tự nhiên và 7.573 nhân khẩu vào xã Vĩnh Tân; sau khi phân vạch địa giới hành chính: xã Lai Hoà (mới) có 5.426,32 ha diện tích tự nhiên và 17.883 nhân khẩu; Xã Vĩnh Tân (mới) có 533,50 ha diện tích tự nhiên và 13.701 nhân khẩu;

+ Giải thể xã Vĩnh Tiên; Sáp nhập 2.493,93 ha diện tích tự nhiên và 8.499 nhân khẩu của xã Vĩnh Tiên (cũ) vào xã Vĩnh Phước; Sáp nhập phần còn lại của xã Vĩnh Tiên (cũ) gồm 1.045,73 ha diện tích tự nhiên và 1.907 nhân khẩu vào xã Vĩnh Hiệp; sau khi phân vạch lại địa giới hành chính: Xã Vĩnh Phước (mới) có 5298,26 ha diện tích tự nhiên và 18.070 nhân khẩu; xã Vĩnh Hiệp (mới) có 3.794,24 ha diện tích tự nhiên và 7.259 nhân khẩu.

+ Giải thể xã Hoà Thanh; tách 704,75 ha diện tích tự nhiên và 1.193 nhân khẩu của xã Hoà Thanh (cũ); 485,28 ha diện tích tự nhiên và 483 nhân khẩu của Khánh Hòa để sáp nhập vào xã Hòa Đông; xã Hoà Đông (mới) có 4.463,69 ha diện tích tự nhiên và 8.258 nhân khẩu; xã Khánh Hoà (sau khi đã điều chỉnh địa giới cho xã Hoà Đông): nhận 630,39 ha diện tích tự nhiên và 611 nhân khẩu của xã Vĩnh Châu và phần còn lại của xã Hòa Thanh gồm 1.926,93 ha diện tích tự nhiên với 4.013 nhân khẩu; xã Khánh Hoà (mới) có 4.489,39 ha diện tích tự nhiên và 7.946 nhân khẩu;

+ Tách 652,11 ha diện tích tự nhiên và 1.397 nhân khẩu của xã Vĩnh Châu để sáp nhập vào thị trấn Vĩnh Châu; thị trấn Vĩnh Châu (mới) có 1.328,01 ha diện tích tự nhiên và 13.815 nhân khẩu.

+ Sáp nhập xã Vĩnh Châu (sau khi đã điều chỉnh địa giới cho xã Khánh Hoà và thị trấn Vĩnh Châu) và xã Vĩnh Hoà thành một xã lấy tên là xã Vĩnh Châu; xã Vĩnh Châu (mới) có 3.890,49 ha diện tích tự nhiên và 17.475 nhân khẩu.

+ Sau khi phân vạch, điều chỉnh địa giới huyện Vĩnh Châu còn lại 10 đơn vị hành chính; bao gồm các xã: Lai Hòa, Vĩnh Tân, Vĩnh Phước, Vĩnh Hiệp, Khánh Hòa, Hòa Đông, Vĩnh Châu, Lạc Hòa, Vĩnh Hải và thị trấn Vĩnh Châu.

g) Năm 1991

- Theo quy định tại Nghị quyết Quốc Hội VIII, kỳ họp thứ 10, ngày 26/12/1991 chia tỉnh Hậu Giang thành 02 tỉnh, lấy tên là tỉnh Cần Thơ và tỉnh Sóc Trăng:

+ Tỉnh Cần Thơ có 07 đơn vị hành chính gồm: Thành phố Cần Thơ và 6 huyện: Thốt Nốt, ô Môn, Châu Thành, Long Mỹ, Phụng Hiệp, Vị Thanh, có diện tích tự nhiên 3.022,30 km², với số dân 1.614.350 người. Tỉnh lỵ: thành phố Cần Thơ.

+ Tỉnh Sóc Trăng có 07 đơn vị hành chính gồm: thị xã Sóc Trăng và 6 huyện: Kế Sách, Mỹ Tú, Long Phú, Thạnh Trị, Mỹ Xuyên, Vĩnh Châu, có diện tích tự nhiên 3.138,67 km², với số dân 1.067.167 người. Tỉnh lỵ: thị xã Sóc Trăng.

h) Năm 1995

- Theo quy định tại Nghị định số 70-CP của Chính phủ ngày 30/10/1995 điều chỉnh địa giới thị xã Sóc Trăng thuộc tỉnh Sóc Trăng và thành lập các phường thuộc thị xã:

+ Sáp nhập 416,63 ha diện tích tự nhiên và 2.873 nhân khẩu của xã Đại Tâm (huyện Mỹ Xuyên); 256,6 ha diện tích tự nhiên và 1.788 nhân khẩu của xã Tân Thạnh (huyện Long Phú); 742,63 ha diện tích tự nhiên và 5.103 nhân khẩu của xã Phụng Hiệp, An Ninh, Phú Mỹ (huyện Mỹ Tú) vào thị xã Sóc Trăng. Huyện Mỹ Xuyên còn lại 50.315,37 ha diện tích tự nhiên và 182.882 nhân khẩu. Huyện Long Phú còn lại 64.949,4 ha diện tích tự nhiên và 228.220 nhân khẩu. Huyện Mỹ Tú còn lại 54.047 ha diện tích tự nhiên và 189.437 nhân khẩu.

+ Thành lập Phường 7 trên cơ sở sáp nhập 282,49 ha diện tích tự nhiên và 2.545 nhân khẩu của xã An Hiệp, 440,07 ha diện tích tự nhiên và 2.364 nhân khẩu của xã An Ninh (huyện Mỹ Tú). Phường 7 có diện tích tự nhiên là 722,56 ha và 4.909 nhân khẩu.

+ Thành lập Phường 10 trên cơ sở sáp nhập 124,4 ha diện tích tự nhiên và 48 nhân

khẩu của Phường 3; 416,63 ha diện tích tự nhiên và 2.873 nhân khẩu của xã Đại Tâm (huyện Mỹ Xuyên). Phường 10 có diện tích tự nhiên: 514,03 ha và 2.921 nhân khẩu.

+ Thành lập Phường 8 trên cơ sở nhập 256,6 ha diện tích tự nhiên và 1.788 nhân khẩu của xã Tân Thạnh (huyện Long Phú) và các khóm 1, 2, 3, 4, 10 của Phường 5. Phường 8 có diện tích tự nhiên là 901,43 ha và 11.986 nhân khẩu. Sau khi điều chỉnh địa giới, Phường 5 còn lại 2.041,7 ha diện tích tự nhiên và 10.280 nhân khẩu.

+ Chia Phường 4 thành phường 9 và Phường 4. Phường 9 có 508,57 ha diện tích tự nhiên và 8.610 nhân khẩu. Phường 4 có 871,32 ha diện tích tự nhiên và 10.264 nhân khẩu.

+ Sáp nhập 20,07 ha diện tích tự nhiên và 194 nhân khẩu của xã Phú Mỹ (huyện Mỹ Tú) vào Phường 2. Phường 2 có 599 ha diện tích tự nhiên và 14.034 nhân khẩu.

1.3. Từ cuối năm 1997 - 2018:

Từ năm 2002 đến năm 2013, qua nhiều lần điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và nâng cấp đô thị, tỉnh Sóc Trăng thành lập thêm 04 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm các huyện: Châu Thành, Cù Lao Dung, Ngã Năm, Trần Đề), thành lập thêm 15 đơn vị hành chính cấp xã và nâng cấp đô thị 03 đơn vị hành chính cấp huyện (thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm), cụ thể:

a) Năm 2002

- Theo quy định tại Nghị định số 04/2002/NĐ-CP ngày 11/01/2002 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Long Phú để thành lập huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng:

+ Thành lập huyện Cù Lao Dung trên cơ sở 23.606,29 ha diện tích tự nhiên và 58.031 nhân khẩu của các xã An Thạnh 1, An Thạnh 2, An Thạnh 3 và Đại Ân 1 thuộc huyện Long Phú. Sau khi thành lập huyện Cù Lao Dung, huyện Long Phú còn lại 45.529,53 ha diện tích tự nhiên và 171.289 nhân khẩu, có 15 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã : Long Phú, Song Phụng, Đại Ngãi, Hậu Thạnh, Trường Khánh, Long Đức, Phú Hữu, Châu Khanh, Tân Hưng, Tân Thạnh, Đại Ân 2, Trung Bình, Liêu Tú, Lịch Hội Thượng và thị trấn Long Phú.

+ Thành lập các xã, thị trấn thuộc huyện Cù Lao Dung sau đây:

- Thành lập xã An Thạnh Tây (trên cơ sở 1.759,55 ha diện tích tự nhiên và 4.620 nhân khẩu của xã An Thạnh 1. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập xã An Thạnh Tây, xã An Thạnh 1 còn lại 3.073,05 ha diện tích tự nhiên và 8.576 nhân khẩu.

- Thành lập thị trấn Cù Lao Dung (thị trấn huyện lỵ) trên cơ sở 905,7 ha diện tích tự nhiên và 5.148 nhân khẩu của xã An Thạnh 2.

- Thành lập xã An Thạnh Đông trên cơ sở 4.195,84 ha diện tích tự nhiên và 9.159 nhân khẩu của xã An Thạnh 2. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập thị trấn Cù Lao Dung và xã An Thạnh Đông, xã An Thạnh 2 còn lại 2.217,87 ha diện tích tự nhiên và 6.761 nhân khẩu.

- Thành lập xã An Thạnh Nam trên cơ sở 2.721,1 ha diện tích tự nhiên và 5.509 nhân khẩu của xã An Thạnh 3. Sau điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập xã An Thạnh Nam, xã An Thạnh 3 còn lại 4.604, 63 ha diện tích tự nhiên và 9.981 nhân khẩu.

+ Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập các xã và thị trấn huyện Cù Lao Dung có 8 đơn vị hành chính gồm các xã An Thạnh 1, An Thạnh 2, An Thạnh 3, Đại Ân 1, An Thạnh Tây, An Thạnh Đông, An Thạnh Nam và thị trấn Cù Lao Dung.

b) Năm 2003

- Theo quy định tại Nghị định số 31/2003/NĐ-CP ngày 01/4/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã thuộc huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng:

+ Thành lập xã Vĩnh Thành, trên cơ sở 2.562,47 ha diện tích tự nhiên và 4.795 nhân khẩu của xã Vĩnh Lợi. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập xã Vĩnh Thành, xã Vĩnh Lợi còn lại 2.263,74 ha diện tích tự nhiên và 5.346 nhân khẩu.

+ Thành lập xã Long Bình trên cơ sở 2.963 ha diện tích tự nhiên và 7.812 nhân khẩu của xã Tân Long. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập xã Long Bình, xã Tân Long còn lại 3.312,04 ha diện tích tự nhiên và 6.278 nhân khẩu.

+ Thành lập xã Mỹ Bình trên cơ sở 2.107 ha diện tích tự nhiên và 4.925 nhân khẩu của xã Mỹ Quới. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập xã Mỹ Bình, xã Mỹ Quới còn lại 2.924,99 ha diện tích tự nhiên và 8.014 nhân khẩu.

- Theo quy định tại Nghị định số 127/2003/NĐ-CP ngày 31/10/2003 về việc thành lập huyện Ngã Năm thuộc tỉnh Sóc Trăng; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Thạnh Trị để thành lập huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Thành lập huyện Ngã Năm trên cơ sở 24.196,81 ha diện tích tự nhiên và 77.056 nhân khẩu của huyện Thạnh Trị. Huyện Ngã Năm có 24.196,81 ha diện tích tự nhiên và 77.056 nhân khẩu, có 8 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã: Tân Long, Long Bình, Mỹ Quới, Mỹ Bình, Long Tân, Vĩnh Quới, Vĩnh Biên và thị trấn Ngã Năm.

+ Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập huyện Ngã Năm, huyện Thạnh Trị còn lại 28.817,42 ha diện tích tự nhiên và 84.444 nhân khẩu, có 9 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã: Thạnh Trị, Thạnh Tân, Lâm Kiết, Lâm Tân, Tuân Túc, Châu Hưng, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thành và thị trấn Phú Lộc.

c) Năm 2007

- Theo quy định tại Nghị định số 22/2007/NĐ-CP ngày 08/02/2007 của Chính phủ về việc thành lập thành phố Sóc Trăng thuộc tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số và các đơn vị hành chính trực thuộc của thị xã Sóc Trăng:

+ Thành lập thành phố Sóc Trăng thuộc tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số và các đơn vị hành chính trực thuộc của thị xã Sóc Trăng. Thành phố Sóc Trăng có 7.615,22 ha diện tích tự nhiên và 173.922 nhân khẩu, có 10 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm các phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.

+ Tỉnh Sóc Trăng có 9 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm các huyện: Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Ngã Năm, Thạnh Trị, Vĩnh Châu và thành phố Sóc Trăng.

d) Năm 2008

- Theo quy định tại Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 24/9/2008 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã để thành lập thị trấn thuộc huyện Mỹ Tú, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Mỹ Tú để thành lập huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng:

+ Thành lập thị trấn Châu Thành thuộc huyện Mỹ Tú trên cơ sở điều chỉnh 603,80 ha diện tích tự nhiên và 6.984 nhân khẩu của xã Thuận Hoà; 165 ha diện tích tự nhiên và 1.608 nhân khẩu của xã Hồ Đắc Kiện. Thị trấn Châu Thành có 768,80 ha diện tích tự nhiên và 8.592 nhân khẩu.

+ Thành lập huyện Châu Thành thuộc tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở điều chỉnh 23.632,43 ha diện tích tự nhiên và 103.518 nhân khẩu của huyện Mỹ Tú (bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Thuận Hoà, Hồ Đắc Kiện, An Ninh, An Hiệp, Phú Tân, Phú Tâm, Thiện Mỹ và thị trấn Châu Thành). Huyện Châu Thành có 23.632,43 ha diện tích tự nhiên và 103.518 nhân khẩu, có 08 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm các xã: Thuận Hoà, Hồ Đắc Kiện, An Ninh, An Hiệp, Phú Tân, Phú Tâm, Thiện Mỹ, thị trấn Châu Thành.

+ Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính: xã Thuận Hoà còn lại 1.844,85 ha diện tích tự nhiên và 8.053 nhân khẩu. Xã Hồ Đắc Kiện còn lại 4.756,30 ha diện tích tự nhiên và 14.186 nhân khẩu. Huyện Mỹ Tú còn lại 36.815,56 ha diện tích tự nhiên và 111.647 nhân khẩu, có 09 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm: thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa và các xã Mỹ Tú, Mỹ Hương, Mỹ Phước, Mỹ Thuận, Hưng Phú, Long Hưng, Phú Mỹ, Thuận Hưng.

+ Tỉnh Sóc Trăng có 331.176,29 ha diện tích tự nhiên và 1.302.562 nhân khẩu, có 10 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm các huyện: Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Ngã Năm, Vĩnh Châu, Châu Thành, thành phố Sóc Trăng.

đ) Năm 2009

- Theo quy định tại Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính các xã để thành lập thị trấn thuộc các huyện: Thạnh Trị, Long Phú; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Long Phú và huyện Mỹ Xuyên để thành lập huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng:

+ Thành lập thị trấn Lịch Hội Thượng thuộc huyện Long Phú: Thành lập thị trấn Lịch Hội Thượng trên cơ sở điều chỉnh 2.078,80 ha diện tích tự nhiên và 13.231 nhân khẩu của xã Lịch Hội Thượng. Thị trấn Lịch Hội Thượng có 2.078,80 ha diện tích tự nhiên và 13.231 nhân khẩu.

+ Thành lập thị trấn Trần Đề thuộc huyện Long Phú: Thành lập thị trấn Trần Đề trên cơ sở điều chỉnh 1.163,03 ha diện tích tự nhiên và 11.915 nhân khẩu của xã Trung Bình; 719,60 ha diện tích tự nhiên và 2.220 nhân khẩu của xã Đại Ân 2. Thị trấn Trần Đề có 1.882,63 ha diện tích tự nhiên và 14.135 nhân khẩu.

+ Thành lập thị trấn Hưng Lợi thuộc huyện Thạnh Trị: Thành lập thị trấn Hưng Lợi trên cơ sở điều chỉnh 1.947,19 ha diện tích tự nhiên và 11.901 nhân khẩu của xã Châu Hưng. Thị trấn Hưng Lợi có 1.947,19 ha diện tích tự nhiên và 11.901 nhân khẩu.

+ Thành lập huyện Trần Đề thuộc tỉnh Sóc Trăng: Thành lập huyện Trần Đề trên cơ sở điều chỉnh 18.978,39 ha diện tích tự nhiên và 75.046 nhân khẩu của huyện Long Phú; 18.897,59 ha diện tích tự nhiên và 55.031 nhân khẩu của huyện Mỹ Xuyên. Huyện Trần Đề có 37.875,98 ha diện tích tự nhiên và 130.077 nhân khẩu; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm các xã: Lịch Hội Thượng, Trung Bình, Đại Ân 2, Liêu Tú, Thạnh Thới An, Thạnh Thới Thuận, Tài Văn, Viên An, Viên Bình và các thị trấn: Lịch Hội Thượng, Trần Đề.

+ Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính: Xã Lịch Hội Thượng còn lại 2.827,53 ha diện tích tự nhiên và 7.814 nhân khẩu. Xã Trung Bình còn lại 4.296,30 ha diện tích tự nhiên và 14.712 nhân khẩu. Xã Đại Ân 2 còn lại 2.837,26 ha diện tích tự nhiên và 11.660 nhân khẩu.

+ Huyện Long Phú còn lại 26.372,12 ha diện tích tự nhiên và 110.952 nhân khẩu; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm thị trấn Long Phú và các xã: Long Phú, Tân Hưng, Tân Thạnh, Trường Khánh, Hậu Thạnh, Đại Ngãi, Song Phụng, Long Đức, Châu Khánh, Phú Hữu.

+ Huyện Mỹ Xuyên còn lại 37.095,15 ha diện tích tự nhiên và 150.003 nhân khẩu; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm thị trấn Mỹ Xuyên và các xã: Đại Tâm, Tham Đôn, Thạnh Phú, Ngọc Đông, Thạnh Quới, Hoà Tú 1, Gia Hoà 1, Gia Hoà 2, Ngọc Tố, Hoà Tú 2.

+ Xã Châu Hưng còn lại 2.883,57 ha diện tích tự nhiên và 6.211 nhân khẩu.

+ Huyện Thạnh Trị có 28.759,96 ha diện tích tự nhiên và 89.091 nhân khẩu, có 10 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm các xã: Thạnh Trị, Lâm Tân, Lâm Kiết, Thạnh Tân, Vĩnh Thành, Vĩnh Lợi, Tuân Túc, Châu Hưng và các thị trấn: Phú Lộc, Hưng Lợi.

+ Tỉnh Sóc Trăng có 331.176,29 ha diện tích tự nhiên và 1.295.064 nhân khẩu; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm các huyện: Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Ngã Năm, Vĩnh Châu, Châu Thành, Trần Đề và thành phố Sóc Trăng.

e) Năm 2011

- Theo quy định tại Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ thành lập thị xã Vĩnh Châu, các phường thuộc thị xã Vĩnh Châu và thành lập thị trấn Đại Ngãi thuộc huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng:

+ Thành lập thị xã Vĩnh Châu thuộc tỉnh Sóc Trăng: Thành lập thị xã Vĩnh Châu thuộc tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở toàn bộ 47.339,48 ha diện tích tự nhiên và 163.918 nhân khẩu của huyện Vĩnh Châu. Thị xã Vĩnh Châu có 47.339,48 ha diện tích tự nhiên và 163.918 nhân khẩu; có 10 đơn vị hành chính trực thuộc.

+ Thành lập các phường thuộc thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng: Thành lập phường 1 thuộc thị xã Vĩnh Châu trên cơ sở toàn bộ 1.344,41 ha diện tích tự nhiên và 20.358 nhân khẩu của thị trấn Vĩnh Châu. Thành lập phường 2 thuộc thị xã Vĩnh Châu trên cơ sở toàn bộ 4.470,84 ha diện tích tự nhiên và 22.175 nhân khẩu của xã Vĩnh Châu. Thành lập phường Vĩnh Phước thuộc thị xã Vĩnh Châu trên cơ sở toàn bộ 5.103,74 ha diện tích tự nhiên và 23.311 nhân khẩu của xã Vĩnh Phước. Thành lập phường Khánh Hòa thuộc thị xã Vĩnh Châu trên cơ sở toàn bộ 4.590,84 ha diện tích tự nhiên và 10.475 nhân khẩu của xã Khánh Hòa.

+ Thành lập thị trấn Đại Ngãi thuộc huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng: Thành lập thị trấn Đại Ngãi thuộc huyện Long Phú trên cơ sở toàn bộ 791,35 ha diện tích tự nhiên và 10.141 nhân khẩu của xã Đại Ngãi.

+ Sau khi thành lập thị xã Vĩnh Châu, thành lập các phường thuộc thị xã Vĩnh Châu và thành lập thị trấn Đại Ngãi thuộc huyện Long Phú: Thị xã Vĩnh Châu có 47.339,48 ha diện tích tự nhiên và 163.918 nhân khẩu; có 10 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: phường 1, phường 2, phường Vĩnh Phước, phường Khánh Hòa và các xã: Lai Hòa, Vĩnh Tân, Vĩnh Hiệp, Hòa Đông, Lạc Hòa, Vĩnh Hải. Huyện Long Phú có 26.382,27 ha diện tích tự nhiên và 112.994 nhân khẩu; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thị trấn Long Phú, thị trấn Đại Ngãi và các xã: Trường Khánh, Phú Hữu, Hậu Thạnh, Song Phụng, Long Đức, Châu Khánh, Tân Thạnh, Tân Hưng, Long Phú.

+ Tỉnh Sóc Trăng có 331.234,32 ha diện tích tự nhiên và 1.289.441 nhân khẩu; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu và các huyện: Cù Lao Dung, Kế Sách, Châu Thành, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Ngã Năm, Thạnh Trị, Trần Đề.

g) Năm 2013

- Theo quy định tại Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ, quyết định nâng cấp huyện Ngã Năm thành thị xã Ngã Năm thuộc tỉnh Sóc Trăng:

+ Thành lập thị xã Ngã Năm trên cơ sở toàn bộ 24.224,35 ha diện tích tự nhiên, 84.022 nhân khẩu, 08 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Ngã Năm; thành lập Phường 1 thuộc thị xã Ngã Năm trên cơ sở toàn bộ 1.955,9 ha diện tích tự nhiên, 17.221 nhân khẩu của thị trấn Ngã Năm; thành lập Phường 2 thuộc thị xã Ngã Năm trên cơ sở toàn bộ 4.476,63 ha diện tích tự nhiên, 18.103 nhân khẩu của xã Long Tân; thành lập Phường 3 thuộc thị xã Ngã Năm trên cơ sở toàn bộ 3.370,6 ha diện tích tự nhiên, 8.390 nhân khẩu của xã Vĩnh Biên. Sau thành lập thị xã Ngã Năm có 24.224,35 ha diện tích tự nhiên, 84.022 nhân khẩu, 08 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 03 phường (1, 2, 3) và 5 xã (Vĩnh Quới, Mỹ Quới, Mỹ Bình, Tân Long, Long Bình).

+ Sau khi thành lập thị xã Ngã Năm và 03 phường thuộc thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng có 331.164,25 ha diện tích tự nhiên, 1.326.740 nhân khẩu, 11 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm và các huyện: Châu Thành, Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Trần Đề) và 109 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 80 xã, 17 phường, 12 thị trấn).

1.4. Từ năm 2019 đến nay:

Tỉnh Sóc Trăng giữ ổn định các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Toàn tỉnh hiện có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm và 08 huyện: Châu Thành, Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Trần Đề; có 109 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 80 xã, 17 phường và 12 thị trấn.

2. Số lượng ĐVHC các cấp đến thời điểm lập Đề án

Tỉnh Sóc Trăng có tổng số đơn vị hành chính cấp huyện là 11 trong đó có 01 thành phố (thành phố Sóc Trăng), 02 thị xã (Vĩnh Châu và Ngã Năm) và 08 huyện (Châu Thành, Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Trần Đề). Có tổng số đơn vị hành chính cấp xã là 109 xã, phường, thị trấn, trong đó có 80 xã, 17 phường và 12 thị trấn.

II. ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

1. Tỉnh Sóc Trăng

1.1. Diện tích tự nhiên (km²)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, tỉnh Sóc Trăng có tổng số diện tích tự nhiên là 3.298,20 km².

1.2. Quy mô dân số (người)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, tỉnh Sóc Trăng có quy mô dân số là 1.686.681 người.

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh Sóc Trăng

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, tỉnh Sóc Trăng có một số chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1.3.1. Tăng trưởng kinh tế

Sơ bộ tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2022 theo giá so sánh 2010 là 38.526 tỷ đồng, tăng 7,77% so với năm 2021. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (khu vực I) là 16.797 tỷ đồng, tăng 4,34%, đóng góp 1,95 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng (khu vực II) đạt xấp xỉ 6.300 tỷ đồng, tăng 10,11%, đóng góp 1,62 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực dịch vụ (khu vực III) hơn 14.202 tỷ đồng, tăng 11,82%, đóng góp 4,20 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (thuế SP trừ TCSP) 1.226 tỷ đồng, tương đương so với năm 2021.

- **Khu vực I:** Giá trị tăng thêm của khu vực này là 16.797 tỷ đồng, tăng 4,34% so với năm 2021. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan là 10.277 tỷ đồng, tăng 3,67% so với năm 2021; giá trị tăng thêm của ngành lâm nghiệp và các dịch vụ có liên quan là 150 tỷ đồng, tăng 14,69%; giá trị tăng thêm ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản là 6.370 tỷ đồng, tăng 5,19% so với năm 2021.

- **Khu vực II:** Giá trị tăng thêm gần 6.300 tỷ đồng, tăng 10,11% so với năm 2021. Chia ra, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp là 4.087 tỷ đồng, tăng 11,06% và giá trị tăng thêm ngành xây dựng gần 2.213 tỷ đồng, tăng 8,39% so với năm 2021.

- **Khu vực III:** Giá trị tăng thêm hơn 14.202 tỷ đồng, tăng 11,82% so với năm 2021. Trong đó, các ngành có tốc độ tăng trưởng cao so với năm 2021 như: ngành hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 46,14%; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 41,26%; ngành bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng 17,12%; ngành vận tải kho bãi tăng 16,84%; ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 16,65%...

- **Về cơ cấu kinh tế năm 2022:** Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 43,24% của GRDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 15,11%; khu vực dịch vụ chiếm 38,49% và thuế SP trừ TCSP chiếm 3,16%. Cơ cấu kinh tế có hướng chuyển dịch tỷ trọng từ khu vực I (giảm) sang khu vực II và khu vực III (tăng).

1.3.2. Tài chính, ngân hàng

1.3.2.1. Tài chính

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022 là 5.584 tỷ đồng, tăng 19,06% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa là 4.952 tỷ đồng, tăng 11,64% so với cùng kỳ năm trước; thu cân đối hoạt động xuất, nhập khẩu là giảm 217 tỷ đồng.

Chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2022 là 23.504 tỷ đồng, tăng 1,20% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 4.151 tỷ đồng, tăng 11,5%; chi thường xuyên 7.517 tỷ đồng, tăng 2,86% so với cùng kỳ năm trước”.

1.3.2.2. Ngân hàng

Lãi suất huy động tiền gửi vào thời điểm cuối năm 2022 phổ biến ở mức 0,16%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 6 tháng từ 4,23%-4,58%/năm, đối với tiền gửi từ 6 tháng trở lên, các tổ chức tín dụng ấn định trên cơ sở cung cầu thị trường, bình quân ở mức từ 5,81%-6,8%/năm. Các quỹ tín dụng nhân dân huy động từ 6 tháng trở xuống với lãi suất bình quân từ 0,5%-4%/năm; huy động từ 6 tháng trở lên với lãi suất bình quân 5%-6,2%/năm. Lãi suất cho vay nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu ngắn hạn là 4,5%/năm, trung và dài hạn là 10,09%; đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường, ngắn hạn là 9,57%/năm, trung và dài hạn là 11,18%/năm; đối với lĩnh vực phi sản xuất, ngắn hạn là 10,1%/năm, trung và dài

hạn là 11,05%/năm. Riêng các quỹ tín dụng nhân dân có lãi suất cho vay ngắn hạn là 11,41%/năm; cho vay trung, dài hạn là 12,83%/năm.

1.3.3. Vốn đầu tư

Với chủ trương phục hồi, huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; tập trung đầu tư vào các công trình hạ tầng quan trọng, nhất là hạ tầng giao thông, nông nghiệp, thủy lợi,... thực hiện vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022 tăng khá mạnh so với năm trước. Năm 2022, thực hiện vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh theo giá hiện hành là 23.475 tỷ đồng. Trong đó, vốn khu vực nhà nước 6.095 tỷ đồng, chiếm 25,97% tổng vốn đầu tư; vốn khu vực ngoài nhà nước 17.123 tỷ đồng, chiếm 72,94% tổng vốn đầu tư; vốn khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện là 257 tỷ đồng, chiếm 1,09% tổng vốn đầu tư.

1.3.4. Tình hình phát triển doanh nghiệp

Tình hình đăng ký doanh nghiệp của tỉnh trong năm 2022 có nhiều khởi sắc, phục hồi tích cực với số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường tăng cao so với cùng kỳ năm 2021. Tỉnh tiếp và làm việc với 150 lượt nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội đầu tư trên địa bàn tỉnh, chấp thuận chủ trương đầu tư cho 8 dự án; trong đó, đã cấp quyết định chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư cho 4 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 2.434 tỷ đồng (trong đó, có 2 dự án trong khu công nghiệp). Tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trao 4 quyết định chủ trương đầu tư với tổng vốn đăng ký trên 12.000 tỷ đồng, ký kết 18 biên bản ghi nhớ nghiên cứu, khảo sát đầu tư với tổng số vốn đầu tư khoảng 212.000 tỷ đồng trong các lĩnh vực giao thông, xây dựng, đô thị, logistics, chuyển đổi số...

Trong năm 2022, tình hình phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có nhiều khả quan, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và vốn đăng ký tăng so với cùng kỳ năm 2021, về số lượng thành lập mới là 444 doanh nghiệp, tăng 85 doanh nghiệp, tương ứng tăng 24%; về vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 2.556 tỷ đồng, tăng 176 tỷ đồng, tương ứng tăng 7,4%. Đồng thời, doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2022 là 76 doanh nghiệp, tăng 17 doanh nghiệp, tương ứng tăng 28,8% so với cùng kỳ năm 2021. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bắt đầu có sự phục hồi sau thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19.

Bên cạnh số doanh nghiệp gia nhập thị trường tăng, số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng kinh doanh năm 2022 cũng tăng cao so cùng kỳ, cụ thể, trong năm 2022 giải thể 110 doanh nghiệp, tăng 37 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2021; có 105 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 21 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân, phần lớn do doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả và do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nên doanh nghiệp chưa có điều kiện để tiếp tục kinh doanh; một số doanh nghiệp không trụ nổi sau thời gian dài bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nên quyết định giải thể.

1.3.5. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện các chương trình, đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; trong đó, tập trung triển

khai Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, Dự án phát triển sản xuất lúa đặc sản, Dự án phát triển chăn nuôi bò trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025, thực hiện các mô hình sản xuất an toàn, hữu cơ, liên kết tiêu thụ sản phẩm,... gắn với ứng phó hạn, xâm nhập mặn và phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Qua đó, tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát.

1.3.5.1. Sản xuất nông nghiệp

Cây hằng năm: Tính đến tháng 12/2022 (theo năm lương thực), diện tích gieo trồng một số loại cây hằng năm chủ yếu là 368.194 ha, tăng 1,66% so với năm trước (+5.996 ha); trong đó, diện tích gieo trồng lúa 332.767 ha (*không bao gồm lúa vụ mùa 2022-2023 và lúa vụ đông xuân năm 2022-2023*), chiếm 90,38% tổng diện tích gieo trồng và tăng 1,51% (+4.941 ha); diện tích gieo trồng một số loại cây hằng năm khác 35.427 ha, chiếm 9,62% tổng diện tích gieo trồng, tăng 3,07% (+1.055 ha).

Cây lâu năm: Tổng diện tích cây lâu năm hiện có 44.042 ha; trong đó, diện tích cây ăn quả 28.443 ha. Một số loại cây trồng có diện tích khá ổn định và tương đối lớn như: xoài trên 2,7 nghìn ha, chuối trên 9 nghìn ha, cam trên 1,5 nghìn ha, bưởi trên 2 nghìn ha, sầu riêng 987 ha, vú sữa 1.680 ha...

Chăn nuôi: Năm 2022 tình hình chăn nuôi cơ bản ổn định, dịch bệnh gia súc, gia cầm có xảy ra ở phạm vi nhỏ lẻ, được phát hiện kịp thời và sự phản ứng nhanh của các cơ quan chức năng nên dịch bệnh được khống chế, không để lây lan.

- Đàn trâu toàn tỉnh có 2.373 con, giảm 6,94% so với năm trước (-177 con).
- Đàn bò toàn tỉnh có 54.479 con, tăng 1,87% so với năm trước (+1.002 con).

Toàn tỉnh có 5/11 huyện chăn nuôi bò sữa với 6.300 con, giảm 6,12% so với năm trước (-411 con). Đàn bò sữa giảm chủ yếu ở hộ nuôi có quy mô nhỏ do hiệu quả kinh tế thấp (giá sữa không tăng trong khi giá vật tư, con giống,... tăng).

- Chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh ổn định, đàn heo cơ bản hồi phục tổng đàn, dịch bệnh đối với heo có phát sinh trên địa bàn nhưng được ngăn chặn, khống chế kịp thời. Tổng đàn heo của tỉnh có 170.870 con, tăng 25,09% so với năm trước (+34.268 con).

- Đàn gia cầm toàn tỉnh có 6.430 nghìn con, giảm 11,99% so với năm trước (-876 nghìn con).

1.3.5.2. Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới tập trung năm 2022 là 766,4 ha, tăng 10,84% so với năm trước (+75 ha). Sản lượng gỗ khai thác 99.362 m³, tăng 14,01% (+12.211 m³). Sản lượng củi khai thác 81.040 ste, giảm 1,25% so với năm trước (-1.024 Ste). Số cây lâm nghiệp trồng phân tán 1.350 nghìn cây, giảm 3,36% so với năm trước (-47 nghìn cây).

1.3.5.3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản năm 2022 đạt 359.092 tấn, tăng 2,41% so với năm trước (+8.450 tấn). Chia ra, sản lượng khai thác thủy sản đạt 71.112 tấn và sản lượng nuôi trồng đạt 287.980 tấn.

Phân theo loại sản phẩm: Sản lượng tôm đạt 196.131 tấn, giảm 1,40% so với năm trước (-2.777 tấn); sản lượng cá đạt 139.499 tấn, giảm 0,13% so với năm trước (-180 tấn); sản lượng thủy sản khác đạt 23.462 tấn, tăng gần gấp 2 lần so với năm trước (tăng 11.407 tấn).

Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2022 là 73.025 ha, tăng 1,05% so với năm trước (+759 ha). Chia theo loại thủy sản: diện tích nuôi tôm 53.297 ha, tăng 2,92% so với năm trước (+1.514 ha); diện tích nuôi cá 17.395 ha, giảm 4,37% so với năm trước (-794 ha); diện tích nuôi thủy sản khác 2.333 ha, tăng 1,7% so với năm trước (+39 ha).

1.3.6. Sản xuất công nghiệp

Năm 2022, hoạt động sản xuất công nghiệp của tỉnh được dự báo tăng trưởng mạnh, các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu đẩy mạnh sản xuất để bù đắp các đơn hàng đã ký trong năm 2021 (do ảnh hưởng của dịch COVID-19). Hoạt động sản xuất công nghiệp của tỉnh những tháng đầu năm tăng trưởng khá, chỉ số sản xuất công nghiệp quý I/2022 tăng 12,36%; quý II/2022 tăng 8,27%; 6 tháng đầu năm 2022 tăng 9,97% so với cùng kỳ.

Đến cuối quý II/2022, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh có dấu hiệu chững lại do sản xuất công nghiệp chế biến thủy sản (chiếm trên 80% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp) giảm. Theo chu kỳ hàng năm, quý III là quý cao điểm sản xuất và xuất khẩu mặt hàng tôm do các thị trường chủ lực nhập khẩu tôm như: Hoa Kỳ, EU, chuẩn bị hàng hóa đón Noel và Tết thì năm 2022, các doanh nghiệp chế biến tôm xuất khẩu của tỉnh gặp nhiều khó khăn về thị trường, nguồn nguyên liệu,... (vấn đề giá cước vận chuyển tăng cao, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu do chiến sự giữa Nga - Ukraine; lạm phát tăng cao ở các nước EU và Hoa Kỳ, dẫn đến nguồn cung nhiều loại thực phẩm giảm, đẩy giá tôm tiêu thụ ở các nước này tăng cao nên nhu cầu tiêu thụ giảm, giảm đơn hàng. Ngoài ra, tại thị trường Hoa Kỳ, tôm Việt Nam phải cạnh tranh với tôm giá rẻ từ Ấn Độ và Ecuador; tôm không thuế chống bán phá giá từ Indonesia) đã tác động mạnh đến sản xuất, chế biến tôm xuất khẩu nói riêng và toàn ngành công nghiệp của tỉnh nói chung.

Năm 2022 chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,09% so với năm 2021. Trong đó: (1) công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,6% (chế biến thực phẩm tăng 4,05%; sản xuất trang phục tăng 40,78%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện tăng 40,56%; in, sao chép bản ghi các loại tăng hơn 2 lần; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 85,75%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 88,21%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 31,21%;...); (2) sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 18,09%; (3) cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,35%.

1.3.7. Thương mại, dịch vụ

Năm 2022 toàn tỉnh có 124 chợ, 02 trung tâm thương mại, 20 siêu thị. Nhìn chung, hoạt động mua bán tại các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị cơ bản ổn định; mặt hàng lương thực, thực phẩm và các mặt hàng thiết yếu khác được đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người dân. Hoạt động xúc tiến thương mại được quan tâm.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2022 là 71.029 tỷ đồng, tăng 43,08% so với năm 2021 (trong đó, bán lẻ hàng hóa tăng 35,16%; hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tăng 72,76%; dịch vụ khác tăng 51,40%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2022 tăng mạnh so với năm 2021 ngoài yếu tố do doanh thu năm 2021 thấp thì năm 2022 với sự phục hồi sản xuất kinh doanh của các cơ sở; nhu cầu tiêu dùng, vui chơi giải trí ngày càng tăng. Mặt khác, do giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm, xăng, dầu, kim loại quý, vật liệu xây dựng, vàng trong năm tăng đã góp phần làm cho doanh thu bán lẻ một số nhóm hàng hóa tăng mạnh và doanh thu chung tăng. Đồng thời, các cơ sở kinh doanh ăn uống, giải khát đầu tư, trang trí, kinh doanh với những hình thức đa dạng, thu hút đông đảo lượng khách sử dụng các dịch vụ ăn uống, tiêu dùng ngoài gia đình; các hoạt động vui chơi, tham quan, giải trí tăng mạnh trong các dịp lễ, tết.

1.3.7.1. Xuất, nhập khẩu

Các cấp ủy, chính quyền tập trung thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh ngay từ những tháng đầu năm 2022, nhất là thực hiện tốt các chủ trương, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất. Tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phục hồi và có bước phát triển, các doanh nghiệp hoạt động trở lại có doanh thu, lợi nhuận tốt. Hoạt động chế biến, xuất khẩu của các doanh nghiệp chế biến thủy, hải sản phát triển tốt, tạo việc làm mới, ổn định cho người lao động, nhưng phải cạnh tranh với tôm giá rẻ, tôm không thuế chống bán phá giá từ các quốc gia khác, đã tác động mạnh đến sản xuất, chế biến tôm xuất khẩu tại địa phương.

Giá trị xuất khẩu hàng hóa thực hiện năm 2022 là 1.516 triệu USD, tăng 17,61% so với cùng kỳ năm trước.

Giá trị nhập khẩu hàng hóa thực hiện năm 2022 là 231 triệu USD, giảm 21,69% so với năm trước.

1.3.7.2. Giao thông vận tải

Hoạt động vận tải của tỉnh năm 2022 nhìn chung thuận lợi. Giao thông đường bộ ngày càng phát triển do nhà nước tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, kết nối mạng lưới giao thông thuận tiện giữa các tỉnh, thành; các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh vận tải cũng không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách, lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Đối với hoạt động vận tải đường thủy trên địa bàn tỉnh thực hiện vận tải hành khách chủ yếu bằng các phương tiện phà qua các bến khách ngang sông với trọng tải khác nhau, số lượt vận tải hành khách tăng khi vào năm học, lễ, tết; khối lượng vận tải hàng hóa tăng khi vào mùa vụ thu hoạch nông sản, thủy sản, ...

Năm 2022, doanh thu vận tải hành khách, hàng hóa, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 1.804 tỷ đồng, tăng 48,23% so với năm trước (trong đó, doanh thu vận tải hành khách 696 tỷ đồng, tăng 112,34%; doanh thu vận tải hàng hóa 931 tỷ đồng, tăng 25,31%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải 177 tỷ đồng, tăng 21%).

- *Vận chuyển hành khách và hàng hóa*

Số lượt hành khách vận chuyển năm 2022 là 22.956 nghìn lượt khách, tăng gần 2 lần so với năm trước (trong đó, đường bộ 21.003 nghìn lượt khách, tăng gần 2 lần). Khối lượng hàng hóa vận chuyển năm 2022 là 40.993 nghìn tấn, tăng 23,76% so với năm trước (trong đó, đường bộ 30.938 nghìn tấn, tăng 24,49%).

- Luân chuyển hành khách và hàng hóa

Số lượt khách luân chuyển năm 2022 là 1.391.895 nghìn HK.km, tăng 2 lần so với năm trước. Khối lượng luân chuyển hàng hóa năm 2022 là 830.895 nghìn tấn.km, tăng 24,06% so với năm trước.

1.3.7.3. Chỉ số giá

a) Giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2022 tăng 4,13% so với năm 2021, bình quân mỗi tháng tăng 0,46% (trong đó, khu vực thành thị tăng 5,43%; nông thôn tăng 3,36%). Giá tiêu dùng các tháng trong năm tăng, giảm chủ yếu do tác động của giá lương thực, thực phẩm, giá xăng, dầu, vật liệu xây dựng,... trong đó, tác động mạnh đến chỉ số chung là sự tăng giá của nhóm giao thông với mức tăng 14,37% do giá xăng, dầu các loại tăng; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 9,65% chủ yếu do giá gas, dầu hỏa và sắt thép tăng; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,91%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,63% do giá lương thực, thực phẩm và giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,79% do giá vàng tăng; nhóm hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,74%; các nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình, bưu chính viễn thông, giáo dục, văn hóa, giải trí và du lịch tăng dưới 1%.

b) Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

- Chỉ số giá vàng bình quân tăng 2,41% so với bình quân năm 2021.
- Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân tăng 2,14% so với bình quân năm 2021.

1.3.8. Các vấn đề xã hội

1.3.8.1. Đời sống dân cư, việc làm và hoạt động chính sách xã hội

Dân số trung bình tỉnh Sóc Trăng năm 2022 ước tính 1.197.823 người. Trong đó, dân số khu vực thành thị là 405.650 người, chiếm 33,87%; dân số khu vực nông thôn là 792.173 người, chiếm 66,13%; dân số nam là 606.396 người, chiếm 50,62%, dân số nữ là 591.427 người, chiếm 49,38% trong tổng dân số toàn tỉnh.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh năm 2022 là 625.647 người, tăng 1,88% so với năm trước (+11.547 người). Trong đó, lực lượng lao động khu vực thành thị là 207.565 người, chiếm 33,18%; khu vực nông thôn là 418.082 người, chiếm 66,82%. Lực lượng lao động nam là 372.408 người, chiếm 59,52%; lao động nữ là 253.239 người, chiếm 40,48% tổng số lực lượng lao động toàn tỉnh. Lao động đang làm việc là 607.230 người, chiếm 97,06% tổng số lực lượng lao động.

Tư vấn và giải quyết việc làm: Trong năm 2022, tỉnh đã tổ chức tư vấn việc làm trong và ngoài nước cho 13.567 lượt người lao động, tổ chức 33 phiên giao dịch việc làm, tiếp nhận và giải quyết 12.987 hồ sơ đề nghị hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp. Giải quyết việc làm cho 30.028 người lao động (đạt 109,19% kế hoạch);

trong đó, người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động là 228 người (đạt 103,64% kế hoạch).

Năm 2022, tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, các hoạt động sản xuất bình thường hóa trở lại, cùng với công tác an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống người dân có phần được cải thiện. Theo kết quả từ Khảo sát mức sống dân cư năm 2022, thu nhập bình quân một người một tháng năm 2022 theo giá hiện hành đạt 3,824 triệu đồng, tăng 578 nghìn đồng so với năm 2021.

Trong năm, tỉnh đã bảo trợ xã hội thường xuyên cho 45.198 đối tượng bảo trợ xã hội với kinh phí thực hiện gần 200 tỷ đồng; hỗ trợ chi phí mai táng cho 3.506 gia đình đối tượng bảo trợ xã hội, người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội và các đối tượng đang hưởng trợ cấp hàng tháng khác, với tổng kinh phí hơn 18,9 tỷ đồng; thực hiện hỗ trợ trợ cấp đột xuất cho 240 hộ thiếu đói; 86 hộ bị thiệt hại về nhà ở bị đổ, hỏa hoạn gây thiệt hại về nhà ở, với tổng số tiền trợ giúp 246 triệu đồng.

1.3.8.2. Giáo dục

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, tập trung triển khai một số hoạt động trọng tâm của ngành.

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục phát triển cả về số lượng, chất lượng, tương đối đồng bộ về cơ cấu, đủ năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục ở địa phương, đặc biệt là việc thực hiện cải cách giáo dục phổ thông 2018.

Mạng lưới trường, lớp được sắp xếp tương đối ổn định, tập trung hơn, hạn chế tối đa việc dàn trải; cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ công tác giáo dục và hoạt động giảng dạy được quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được đến trường và được hưởng các lợi ích từ giáo dục.

Tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT (từ ngày 06/7 đến 08/7/2022), tổng số thí sinh đăng ký dự thi là 10.030 thí sinh với kết quả 9.570/9.643 thí sinh được công nhận tốt nghiệp THPT năm 2022, chiếm tỷ lệ 99,24%.

Về công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: tính đến tháng 12 năm 2022 có 372/463 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 80,35% (KH 2022 là 80%).

Về giáo dục nghề nghiệp: Năm 2022, tổng số tuyển sinh học nghề được 16.637 người (đạt tỷ lệ 103,98% so với kế hoạch). Trong đó, trình độ cao đẳng 583 người, trung cấp 602 người, sơ cấp 6.701 người, dưới 3 tháng 8.751 người. Tổng số tốt nghiệp là 14.834 người; trong đó, trình độ cao đẳng là 295 người, trung cấp là 161 người, sơ cấp là 5.945 người, dưới 3 tháng là 8.433 người.

1.3.8.3. Y tế

Năm 2022, ngành y tế tập trung lãnh chỉ đạo các hoạt động y tế dự phòng, an toàn thực phẩm tiếp tục duy trì thực hiện đầy đủ. Chủ động phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm nói chung và COVID-19 nói riêng. Triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khám, chữa bệnh và quản lý sức khỏe nhân

dân; đảm bảo đủ số thuốc, vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm xét nghiệm... để phục vụ nhu cầu phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân. Tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp nâng cao sự hài lòng của người bệnh trên địa bàn tỉnh.

1.3.8.4. Văn hóa, thể dục, thể thao, thông tin và truyền thông

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và du lịch trong năm 2022 được tổ chức trên tinh thần vui tươi, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm, tạo không khí thi đua sôi nổi góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc được quan tâm thực hiện. Trong năm, đã trình công nhận 02 di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh; phê duyệt 03 đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; ban hành quyết định công nhận 82 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 5 năm giai đoạn 2017-2021.

Về hoạt động nghệ thuật biểu diễn: Tổ chức biểu diễn phục vụ hợp mặt Tết Chôl Chnăm Thmây. Liên hoan văn nghệ quần chúng trong khuôn khổ Ngày hội Văn hóa, thể thao và du lịch đồng bào Khmer Nam Bộ lần thứ VIII tại tỉnh Sóc Trăng năm 2022 và chương trình nghệ thuật phục vụ Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần thứ V, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long năm 2022. Tham gia “Liên hoan Ca, Múa, Nhạc toàn quốc năm 2021” đợt 2 tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (kết quả: đạt 01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc, 01 Huy chương Đồng và 01 Bằng khen của Hội nhạc sĩ Việt Nam). Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Sóc Trăng thu hình 03 chương trình ca múa nhạc phát sóng phục vụ bà con vùng đồng bào Khmer Nam Bộ.

Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, nhiều hoạt động thể thao quần chúng được tổ chức.

1.3.8.5. Tình hình tai nạn giao thông và cháy, nổ

Tình hình tai nạn giao thông (theo Ban An toàn giao thông tỉnh): Năm 2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 218 vụ tai nạn giao thông, làm 125 người chết, 186 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tăng 92 vụ, số người chết tăng 33 người, số người bị thương tăng 90 người.

Thiệt hại do thiên tai: Năm 2022, xảy ra 34 vụ thiệt hại do mưa dông, lốc xoáy; 41 vụ thiệt hại do sạt lở, sụt lún đất; tổng giá trị thiệt hại ước tính là 78.545 triệu đồng.

Về tình hình cháy, nổ: Năm 2022, xảy ra 04 vụ cháy, nổ (tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm trước), tổng tài sản thiệt hại ước tính là 6.502 triệu đồng.

1.3.9. Về đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững và ổn định. Trong năm, tỉnh đã hoàn thành công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ với tổng số đã giao 1.425 quân (đạt 100% chỉ tiêu). Ban chỉ đạo diễn tập tỉnh tổ chức diễn tập Khu vực phòng thủ tỉnh trong thời gian 03 ngày với 770 đại biểu tham dự; diễn tập Khu vực phòng thủ tại thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu;

diễn tập động viên năm 2022 tại huyện Mỹ Tú; diễn tập chiến đấu phòng thủ, phòng chống lụt bão cấp xã năm 2022 ở các đơn vị còn lại; tổng số có 26/28 đơn vị tham gia, đạt 92,86%. Ngoài ra, lực lượng Công an, Quân sự, Bộ đội biên phòng tiếp tục duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; phối hợp triển khai tốt các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm đảm bảo an ninh, trật tự trong các dịp lễ, sự kiện quan trọng của đất nước và địa phương.

Toàn tỉnh phát hiện 434 vụ có dấu hiệu tội phạm về trật tự xã hội (giảm 7,65% so với cùng kỳ năm 2021); đã điều tra làm rõ 344 vụ (tỷ lệ 79,3%); trong đó, phát hiện, làm rõ 51/56 vụ rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng (tỷ lệ 91,1%), làm rõ 76/92 vụ xảy ra trên địa bàn cấp huyện ven biển (tỷ lệ 82,6%; giảm 27 vụ so với cùng kỳ năm 2021). Tình hình trật tự, an toàn giao thông được đảm bảo, không để xảy ra các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, tai nạn giao thông tăng cả 03 tiêu chí, xảy ra 189 vụ (đường thủy 01 vụ), làm chết 112 người (đường thủy 01 người) và bị thương 160 người. So với cùng kỳ năm 2021 tăng 83 vụ (tăng 78,3%); tăng 33 người chết (tăng 41,8%), tăng 82 người bị thương (tăng 105,1%). Tình hình cháy nổ được kiểm chế, xảy ra 03 vụ cháy, không gây thiệt hại về người (tăng 01 vụ so cùng kỳ năm 2021), nguyên nhân do sự cố về điện, tài sản thiệt hại ước tính trên 5,8 tỷ đồng.

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện:

2.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, thị xã, thành phố)

Tỉnh Sóc Trăng có tổng số đơn vị hành chính cấp huyện là 11 trong đó có 01 thành phố (thành phố Sóc Trăng), 02 thị xã (thị xã Vĩnh Châu và thị xã Ngã Năm) và 08 huyện (Châu Thành, Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Trần Đề).

2.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sắp xếp.

2.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng có huyện Cù Lao Dung có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% so với quy định. Tuy nhiên, do huyện Cù Lao Dung có vị trí biệt lập với đất liền và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề (có 08/08 đơn vị hành chính cấp xã được công nhận là xã đảo tại Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng), nằm trong đối tượng không bắt buộc thực hiện sắp xếp, được quy định tại khoản 2.2, Điều 2 của Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.4. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, thị xã, thành phố) thuộc diện khuyến khích sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp.

2.5. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, thị xã, thành phố) liên kết có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: không có.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã:

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn)

Tỉnh Sóc Trăng có tổng số đơn vị hành chính cấp xã là 109 xã, phường, thị trấn, trong đó có 80 xã, 17 phường và 12 thị trấn.

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng có Phường 1, thành phố Sóc Trăng, có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% so với quy định, thuộc diện phải sắp xếp.

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp.

3.4. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện khuyến khích sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp.

3.5. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) liên kết có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có ĐVHC cấp xã liên kết có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện sắp xếp. Tuy nhiên, có 01 ĐVHC cấp xã (Phường 9, thành phố Sóc Trăng) liên kết thực hiện nhập với Phường 1, thành phố Sóc Trăng.

III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sắp xếp.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

2.1. Tên ĐVHC thuộc diện sắp xếp

Huyện Cù Lao Dung thuộc tỉnh Sóc Trăng có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% so với quy định.

2.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

Cù Lao Dung là cù lao lớn nhất của Sông Hậu, nằm ở hạ lưu Sông Hậu, tiếp giáp với Biển Đông, cách biệt hoàn toàn với đất liền, với khoảng cách gần nhất so với đất liền là 1,8 km và xa nhất là 11 km, bốn bề được bao bọc bởi sông nước, có 17 km bờ biển, với hơn 24 km đê biển, 81 km đê sông và 1.000 km bờ bao ven các sông, kênh rạch, đến nay huyện vẫn chưa có cầu kết nối với đất liền, mà giao thông qua lại với đất liền bằng phương tiện thuyền, phà. Huyện Cù Lao Dung có 08/08 đơn vị hành chính cấp xã được công nhận là xã đảo tại Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng (*Đính kèm theo Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016*). Vì những lý do trên và căn cứ vào quy định tại khoản 2.2, Điều 2 của Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì huyện Cù Lao Dung thuộc trường hợp không bắt buộc sắp xếp, tỉnh đề nghị huyện Cù Lao Dung không thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

2.1.2. Diện tích tự nhiên (km²)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, huyện Cù Lao Dung thuộc tỉnh Sóc Trăng có diện tích tự nhiên là 245,04 km².

2.1.3. Quy mô dân số (người)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, huyện Cù Lao Dung thuộc tỉnh Sóc Trăng có quy mô dân số là 81.996 người.

2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (5.558 người; chiếm tỷ lệ 6,78%)

2.1.5. Số ĐVHC trực thuộc

Huyện Cù Lao Dung thuộc tỉnh Sóc Trăng có tổng số ĐVHC trực thuộc là 08 trong đó có 01 thị trấn (thị trấn Cù Lao Dung) và 07 xã (xã An Thạnh 1, xã An Thạnh 2, xã An Thạnh 3, xã An Thạnh Tây, xã An Thạnh Đông, xã An Thạnh Nam và xã Đại Ân 1).

2.1.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng

Hiện nay, 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Cù Lao Dung đang thực hiện các chế độ, chính sách cho người dân đang sinh sống và làm việc tại các xã đảo theo Quyết định số 317/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 3814/KH-BHXX của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện việc cấp phát thẻ bảo hiểm y tế đảm bảo 100% người dân đang sinh sống và làm việc tại các xã đảo có bảo hiểm y tế. Đồng thời, hiện tại có 07 xã của huyện Cù Lao Dung đã hoàn thành việc xây dựng nông thôn mới, tiến tới công nhận huyện nông thôn mới.

2.1.7. Các ĐVHC cùng cấp liên kề

Huyện Cù Lao Dung có vị trí biệt lập với đất liền và nằm ở phía đông tỉnh Sóc Trăng, có vị trí địa lý: phía Đông tiếp giáp tỉnh Trà Vinh (qua cửa biển Định An); phía Tây giáp huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (qua cửa biển Trần Đề); phía Nam giáp biển Đông; phía Bắc giáp huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

(Đính kèm bản đồ hành chính của huyện Cù Lao Dung)

3. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, thị xã, thành phố) thuộc diện khuyến khích sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, thị xã, thành phố) liên kết có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

Do giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sắp xếp và thuộc diện khuyến khích sắp xếp, nên không có ĐVHC cấp huyện liên kết có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp.

IV. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp

1.1. Tên ĐVHC thuộc diện sắp xếp

Giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng có Phường 1, thành phố Sóc Trăng, có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% so với quy định, thuộc diện phải sắp xếp.

1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có

1.1.2. Diện tích tự nhiên (km²)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, Phường 1, thành phố Sóc Trăng có diện tích tự nhiên là 0,29 km².

1.1.3. Quy mô dân số (người)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, Phường 1, thành phố Sóc Trăng có quy mô dân số là 6.587 người.

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (3.445 người; chiếm tỷ lệ 52,30%)

1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kết

Phường 1 nằm ở trung tâm thành phố Sóc Trăng, có vị trí địa lý:

- Phía Đông giáp với Phường 4 và Phường 9, thành phố Sóc Trăng;
- Phía Tây giáp với Phường 2, thành phố Sóc Trăng;
- Phía Nam giáp với Phường 2 và Phường 3, thành phố Sóc Trăng;
- Phía Bắc giáp với Phường 6 và Phường 8, thành phố Sóc Trăng.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện khuyến khích sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) liên kê có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

Từ Phương án tổng thể của UBND thành phố Sóc Trăng, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có ĐVHC cấp xã liên kê có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp. Nhưng có 01 ĐVHC cấp xã (Phường 9, thành phố Sóc Trăng) liên kê thực hiện nhập với Phường 1, thành phố Sóc Trăng.

4.1. Tên ĐVHC thuộc diện sắp xếp

Giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng có Phường 9, thành phố Sóc Trăng, liên kê thực hiện nhập với Phường 1, thành phố Sóc Trăng khi thực hiện phương án sắp xếp.

4.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có

4.1.2. Diện tích tự nhiên (km²)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, Phường 9, thành phố Sóc Trăng có diện tích tự nhiên là 5,31 km².

4.1.3. Quy mô dân số (người)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, Phường 9, thành phố Sóc Trăng có quy mô dân số là 10.887 người.

4.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (4.289 người; chiếm tỷ lệ 39,40%)

4.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

4.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê

Phường 9, thành phố Sóc Trăng, có vị trí địa lý:

- Phía Đông và phía Bắc giáp với Phường 4, thành phố Sóc Trăng;
- Phía Tây giáp với Phường 1 và Phường 3, thành phố Sóc Trăng;
- Phía Nam giáp với Phường 3, thành phố Sóc Trăng.

(Chi tiết nêu tại các Phụ lục 2-1A, 2-2A, 2-2B kèm theo)

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ TRỰC THUỘC (NẾU CÓ)

1. Phương án sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp huyện thuộc diện sắp xếp thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sắp xếp.

2. Phương án sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ (không bao gồm các ĐVHC cấp xã trực thuộc các ĐVHC cấp huyện thực hiện sắp xếp đã nêu tại mục I phần này)

1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

1.1. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp

1.1.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC Phường 1, thành phố Sóc Trăng (có diện tích tự nhiên là 0,29 km², đạt 5,27% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.587 người, đạt 94,10% so với tiêu chuẩn) vào ĐVHC Phường 9, thành phố Sóc Trăng (có diện tích tự nhiên là 5,31 km², đạt 96,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 10.887 người, đạt 155,52% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

* Cơ sở sắp xếp:

- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã;

- Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

- Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC;

- Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

- Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Phương án số 01/PA-UBND ngày 08/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Sóc Trăng.

*** Lý do sắp xếp:**

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Đáp ứng được yêu cầu xây dựng bộ máy chính quyền cấp cơ sở gọn nhẹ, hiệu quả, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và giảm chi phí ngân sách nhà nước. Đồng thời việc sắp xếp ĐVHC các phường cũng sẽ góp phần mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của các phường thuộc thành phố Sóc Trăng để phát triển bền vững.

- Hiện trạng do Phường 1, thành phố Sóc Trăng, có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% so với quy định (cụ thể Phường 1, thành phố Sóc Trăng có diện tích tự nhiên là 0,29 km², đạt 5,27% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.587 người, đạt 94,10% so với tiêu chuẩn).

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì ĐVHC phường mới (gồm Phường 1 và Phường 9) có tên gọi là Phường 1 (mới):

- Diện tích tự nhiên 5.60 km² (đạt 101,82% so với tiêu chuẩn)
- Quy mô dân số 17.474 người (đạt 249,63% so với tiêu chuẩn)
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Sau khi thành lập Phường 1 (mới) có vị trí địa lý:

- + Phía Đông giáp với Phường 4, thành phố Sóc Trăng;
- + Phía Tây giáp với Phường 2, thành phố Sóc Trăng;
- + Phía Nam giáp với một phần Phường 2 và Phường 3, thành phố Sóc Trăng;
- + Phía Bắc giáp với Phường 6 và Phường 8, thành phố Sóc Trăng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC Phường 1 (mới): Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND Phường 9 (cũ) (số 491 đường Lê Duẩn, Phường 9 (cũ), thành phố Sóc Trăng). Dự kiến số khóm sau khi sáp nhập là 07 khóm.

2. Phương án sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp

Qua quá trình rà soát, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Sóc Trăng không có đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp.

Lưu ý: Trường hợp sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc ĐVHC cấp huyện để nhập, điều chỉnh vào ĐVHC đô thị cấp huyện khác thì trong mục này chỉ nêu khái quát phương án và dẫn chiếu đến đề án sắp xếp ĐVHC đô thị cấp huyện.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC ĐÔ THỊ CẤP HUYỆN (có đề án riêng kèm theo): Không có

Trong mục này chỉ nêu khái quát phương án và dẫn chiếu đến đề án sắp xếp ĐVHC đô thị cấp huyện. Trong đề án sắp xếp ĐVHC đô thị cấp huyện cần nêu cụ thể các phương án thành lập ĐVHC đô thị cấp huyện, nhập toàn bộ hoặc điều chỉnh một phần ĐVHC cấp huyện vào ĐVHC đô thị cùng cấp, bao gồm cả nội dung sắp xếp ĐVHC cấp xã trực thuộc.

IV. LÝ DO ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THUỘC DIỆN PHẢI SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KHÔNG (HOẶC CHƯA) THỰC HIỆN SẮP XẾP: Không có

V. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH: Không có

VI. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH SÓC TRĂNG SAU SẮP XẾP

1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện 11 đơn vị (gồm 01 thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm và 08 huyện: Châu Thành, Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Trần Đề).

b) ĐVHC cấp xã 109 đơn vị (gồm 80 xã, 17 phường và 12 thị trấn).

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau khi sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện 11 đơn vị (gồm 01 thành phố Sóc Trăng, 02 thị xã: Vĩnh Châu, Ngã Năm và 08 huyện: Châu Thành, Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Trần Đề).

b) ĐVHC cấp xã 108 đơn vị (gồm 80 xã, 16 phường và 12 thị trấn).

3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện giảm 0 đơn vị.

b) ĐVHC cấp xã giảm 01 đơn vị (gồm 01 phường).

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

- Sắp xếp đơn vị hành chính nhằm đảm bảo quy mô quản lý phù hợp, đúng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; việc bổ sung các quy hoạch cũng thuận lợi, phù hợp với xu thế phát triển chung.

- Việc sáp nhập các ĐVHC góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong quá trình sắp xếp bộ máy, sẽ lựa chọn được những cán bộ, công chức có năng lực, trình độ, tín nhiệm để bố trí đảm nhận các chức danh đảm bảo đúng theo quy định; góp phần đáp ứng yêu cầu công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Giảm đầu mối đơn vị hành chính cấp xã trong tỉnh, tạo điều kiện để tập trung đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả về quản lý nhà nước, cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ; nâng cao chuyên môn, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Ngân sách nhà nước được tiết kiệm, hiệu suất công việc của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng cao.

- Bộ máy tinh gọn hơn giúp cho công tác thanh tra, kiểm tra để phát hiện chấn chỉnh, xử lý kịp thời các thiếu sót, vi phạm trong hoạt động quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật của các tổ chức, cá nhân được tăng cường.

- Thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt là các dự án thu hồi đất và công khai các thủ tục thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gắn với việc giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo và những bức xúc của nhân dân.

1.2. Tác động tiêu cực

Với địa bàn rộng hơn, dự báo công tác quản lý nhà nước đối với chính quyền địa phương bước đầu sẽ gặp khó khăn; nhất là khi đội ngũ cán bộ, công chức đã từng bước thực hiện tinh giản, nhiều công việc nảy sinh ngoài công tác chuyên môn; bước đầu, người dân chưa quen với đơn vị hành chính mới, nhiều thủ tục liên quan đến giải quyết công việc rất dễ ảnh hưởng đến tâm lý người dân.

Cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở phường và ở khóm sẽ dồi dư khi sắp xếp, phần nào ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm.

2. Tác động về kinh tế - xã hội (bao gồm tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cuộc sống của Nhân dân trên địa bàn)

2.1. Tác động tích cực

- Sau khi sắp xếp sẽ giảm được 01 đơn vị hành chính phường, đồng nghĩa với việc giảm được khoảng 13 CBCC và 01 người hoạt động không chuyên trách phường và 05 người người hoạt động không chuyên trách khóm, hàng năm tiết kiệm chi ngân sách trên 1 tỷ đồng; vì vậy sẽ tập trung được nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, đồng thời qua đó tăng thêm nguồn lực về đất đai, về nhân lực,... cho Phường 1 (mới) có điều kiện để phát triển thành một trung tâm kinh tế - xã hội của thành phố Sóc Trăng. Đó cũng là trung tâm nơi diễn ra các sự kiện,

văn hóa, kinh tế, chính trị quan trọng của tỉnh, từ đó làm động lực, lan tỏa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng.

- Sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã giúp có đủ điều kiện để xây dựng các quy hoạch một cách quy mô, tăng cường khả năng thu hút đầu tư xã hội hóa vào các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, giảm đầu tư công, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và tăng thu ngân sách trên địa bàn. Việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã là điều kiện thuận lợi để khai thác được tiềm năng và thế mạnh về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của các địa phương liền kề, là động lực để các địa phương bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội; điều kiện thuận lợi để cấp huyện, cấp tỉnh thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quản lý, đầu tư phát triển, triển khai kế hoạch sản xuất phù hợp với định hướng chung. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ dân trên địa bàn cấp xã sau khi sáp nhập sẽ gặp nhiều thuận lợi và đạt được hiệu quả hơn.

- Khi mở rộng đơn vị hành chính bằng việc nhập hai đơn vị hành chính phường lại với nhau, với tiềm lực mới các đơn vị này sẽ thu hút đầu tư từ nhiều nguồn vốn và các thành phần kinh tế khác nhau ở trong và ngoài tỉnh. Tạo điều kiện, môi trường kinh doanh thuận lợi cho các thành phần kinh tế. Đồng thời, tạo thêm thế và lực mới cho đô thị phường mới phát triển cũng như là tiền đề tạo động lực phát triển kinh tế cả thành phố Sóc Trăng và kinh tế của tỉnh Sóc Trăng.

- Kinh tế phát triển sẽ là tiền đề, điều kiện thúc đẩy các lĩnh vực khác cùng phát triển từ đó tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách, tự cân đối thu chi ngân sách, thu nhập bình quân đầu người, chất lượng đời sống của người dân cũng không ngừng tăng lên. Khuyến khích hộ nghèo, người nghèo tự phấn đấu vươn lên làm giàu chính đáng. Cuộc sống của người dân sẽ được cải thiện do sự thay đổi theo hướng tích cực.

- Sự phát triển về kết cấu hạ tầng, về triển khai các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế trên địa bàn sẽ tạo nguồn thu lớn cho ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, giải quyết nhiều công ăn việc làm, đồng thời cũng kéo theo các hoạt động dịch vụ, buôn bán của nhân dân, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của Phường 1 (mới) nói riêng và của nhân dân thành phố Sóc Trăng nói chung.

- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kết cấu hạ tầng; một mặt làm thay đổi bộ mặt đô thị, mặt khác tạo đà cho kinh tế của phường và thành phố Sóc Trăng tiếp tục tăng trưởng, góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng thu nhập và tiêu thụ các sản phẩm từ các dịch vụ tiểu thủ công nghiệp.

2.2. Tác động tiêu cực

- Khi sáp nhập dẫn đến người dân và doanh nghiệp phải thực hiện rất nhiều thủ tục thay đổi như giấy tờ sở hữu nhà, đất, hộ khẩu, giấy tờ tùy thân, bằng lái...gây tốn kém về công sức và tiền của

- Tâm tư của Nhân dân các địa phương sẽ có xáo trộn trong giai đoạn đầu do thay đổi về địa điểm giao dịch, thay đổi về thủ tục hành chính...

- Sau khi sáp nhập tình trạng dư thừa một số trụ sở của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn và phương án quản lý, sử dụng cũng gặp không ít khó khăn.

3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội

3.1. Tác động tích cực

- Gắn với sắp xếp đơn vị hành chính, sẽ bố trí Công an chính quy về các đơn vị xã theo Đề án của Công an; chỉnh đốn lại lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và đội ngũ Công an viên tại các xã, thị trấn.

- Việc sáp nhập các đơn vị hành chính nêu trên sẽ tạo điều kiện để củng cố quốc phòng, an ninh, góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả trong công tác quản lý an ninh trật tự trên địa bàn.

3.2. Tác động tiêu cực

Khi sáp nhập ĐVHC địa bàn rộng, dân số tăng, nhân lực ít, trong khi đó tình hình tội phạm có nhiều hoạt động phức tạp, có nhiều thủ đoạn để đối phó với lực lượng an ninh nên việc quản lý về an ninh, trật tự và an toàn xã hội sẽ gặp khó khăn nhất định.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Tác động tích cực

Sau khi sáp nhập, việc giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công được thực hiện thông suốt, đồng bộ do được quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; chất lượng công chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được quan tâm bố trí.

4.2. Tác động tiêu cực

Cơ quan Nhà nước phải thực hiện chuyển đổi một số lượng lớn các loại giấy tờ của công dân, do thay đổi đơn vị hành chính. Công dân phải đi làm các thủ tục thay đổi, nhất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và thay đổi địa chỉ của doanh nghiệp, phần nào cũng ảnh hưởng đến thời gian đi lại của công dân.

5. Tác động khi nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã đang hưởng các chính sách đặc thù khác nhau liên quan đến ĐVHC (nếu có): Không có

5.1. Tác động tích cực

5.2. Tác động tiêu cực (bao gồm tác động đến ngân sách nhà nước do việc tăng chi)

II. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Những thuận lợi

- Việc xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính Phường 1 và Phường 9 thuộc thành phố Sóc Trăng là quyết tâm chính trị của Đảng bộ, Chính quyền và các mặt trận đoàn thể thuộc thành phố Sóc Trăng nói riêng cũng như toàn tỉnh Sóc Trăng

nói chung. Đồng thời, cũng nhận được sự đồng thuận cao của nhân dân tại địa phương về phương án sắp xếp.

- Được sự chỉ đạo kịp thời của các cấp, các ngành có thẩm quyền về các khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng đề án; cũng như được sự phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả của các đơn vị liên quan trong công tác xây dựng đề án, để thực hiện đề án nhanh chóng, tiết kiệm và hiệu quả.

- Việc sáp nhập những ĐVHC phường có quy mô nhỏ thành đơn vị hành chính có quy mô lớn hơn sẽ tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh, vị trí địa lý để phát triển.

- Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, tránh việc đầu tư xây dựng dàn trải trong khi nhu cầu sử dụng còn hạn chế.

- Việc sắp xếp ĐVHC phường sẽ tạo ra thay đổi tích cực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước; tinh giản bộ máy, tiết kiệm chi ngân sách, góp phần vào sự thành công của cải cách hành chính tiền lương, nâng cao đời sống cán bộ, công chức.

2. Những khó khăn, vướng mắc

- Việc sắp xếp tinh giản bộ máy, biên chế là vấn đề khó khăn, phức tạp và nhạy cảm liên quan trực tiếp đến hoạt động của các tổ chức và quyền lợi của cán bộ, công chức... Vì vậy, để thực hiện hiệu quả Đề án, đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục; phải xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện rõ ràng, không nóng vội, chủ quan, duy ý chí.

- Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 và là nội dung mà tỉnh mới tiếp cận chưa có kinh nghiệm trong thực hiện sắp xếp ĐVHC.

- Việc bố trí cán bộ, công chức dôi dư sau khi sắp xếp gặp nhiều khó khăn nhất là cán bộ lãnh đạo chưa đến tuổi nghỉ hưu.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc (bao gồm các nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan)

- Các chính sách của Nhà nước, của tỉnh hiện nay áp dụng đối với chế độ thôi việc dôi dư do sắp xếp tổ chức, bộ máy chưa thật sự tạo khích lệ cho cán bộ, công chức khi nghỉ việc.

- Văn bản hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ khi sắp xếp chậm được cơ quan có chức năng liên quan ban hành.

4. Giải pháp khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã

- Trên cơ sở rà soát đánh giá, phân loại các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, tài sản ... có lộ trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế. Có phương án giải quyết tài sản, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư.

- Có phương án giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, người lao động cho từng trường hợp cụ thể.

- Học hỏi kinh nghiệm của các tỉnh bạn và liên hệ chặt chẽ với Bộ Nội vụ, nghiên cứu các văn bản hướng dẫn cụ thể của trung ương trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC.

III. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

a) Năm 2023

Tiến hành xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn quy định.

b) Năm 2024

- Tiến hành xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn quy định.

- Hoàn thành việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã chưa đạt chuẩn theo quy định nêu trên.

- Tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tập trung giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

c) Năm 2025

- Tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và những người dôi dư sau đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 ở những ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Hoàn thành việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Sơ kết việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện: 1.675.677.000 đồng, thực hiện trong năm 2024.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

Thực hiện kiện toàn lại tổ chức bộ máy của cấp ủy Đảng, chính quyền (HĐND, UBND), MTTQ và các đoàn thể của ĐVHC Phường 1 (mới) bảo đảm đúng theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương.

1.1. Đối với tổ chức Đảng: Theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

1.2. Đối với Đại biểu HĐND

Căn cứ quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Phường 1 (mới) gồm 38 đại biểu (nhập 02 phường) hoạt động đến hết nhiệm kỳ.

1.3. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác

Hợp nhất các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác của Phường 1 (cũ) và Phường 9.

1.4. Đối với các xóm

Phường 1 (cũ): Có 04 xóm trực thuộc, trong đó có 03 xóm có số hộ gia đình trên 350 hộ, 01 xóm (Xóm 2) có số hộ gia đình dưới 350 hộ. Dự kiến sáp nhập Xóm 2 và Xóm 3 lấy tên là Xóm 3 thuộc Phường 1 (mới).

Phường 9: Có 06 xóm trực thuộc, trong đó có 03 xóm có số hộ gia đình trên 350 hộ, 3 xóm (Xóm 1, 2, 3) có số hộ gia đình dưới 350 hộ; trong đó (Xóm 1, 2) có dưới 50% quy mô số hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. Do đó, dự kiến sáp nhập Xóm 1, Xóm 2 với các xóm liền kề để đạt chuẩn theo quy định, cụ thể:

- Sáp nhập Khóm 1 Phường 1 (cũ) và Khóm 1 Phường 9 lấy tên là Khóm 1 thuộc Phường 1 (mới).
- Sáp nhập Khóm 2 và Khóm 3 Phường 9 lấy tên là Khóm 2 thuộc Phường 1 (mới).
- Sáp nhập Khóm 2, Khóm 3 Phường 1 (cũ) lấy tên là Khóm 3 thuộc Phường 1 (mới).
- Chuyển Khóm 4 Phường 9 thành Khóm 4 thuộc Phường 1 (mới).
- Chuyển Khóm 5 Phường 9 thành Khóm 5 thuộc Phường 1 (mới).
- Chuyển Khóm 6 Phường 9 thành Khóm 6 thuộc Phường 1 (mới).
- Đổi tên Khóm 4 Phường 1 (cũ) thành Khóm 7 thuộc Phường 1 (mới).

Sau sắp xếp các khóm của Phường 1 (cũ) và Phường 9 lại với nhau, Phường 1 (mới) có tổng số 07 khóm, gồm: Khóm 1, Khóm 2, Khóm 3, Khóm 4, Khóm 5, Khóm 6 và Khóm 7.

(Đính kèm theo Phụ lục 2-2C)

1.5. Lộ trình thực hiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 10 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

2.1 Phương án

Ban Thường vụ Thành ủy chỉ định Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Phường 1 (mới).

Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chỉ định một triệu tập viên trong số đại biểu Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính Phường 1 (mới), để triệu tập và chủ tọa cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính Phường 1 (mới). Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính Phường 1 (mới) bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định.

Kiện toàn các chức danh của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể: Kiện toàn cấp trưởng, cấp phó, Ủy viên Ban Thường trực, Ủy viên Ban Chấp hành theo quy định của Điều lệ và hướng dẫn của Đảng đoàn, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ngành dọc cấp trên.

Đối với các chức danh bầu cử nếu chưa sắp xếp số lượng theo đúng quy định thì bố trí cấp phó có thể nhiều hơn so với quy định, nhưng sau đó có lộ trình sắp xếp đảm bảo đến năm 2025 bố trí đủ số lượng.

Bố trí, sắp xếp các chức danh công chức: công chức ở các chức danh chuyên môn (trừ công an, quân sự) giữ nguyên theo số lượng cũ, sau đó sẽ thực hiện bổ lại cho đúng số lượng.

Đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường: Rà soát, đánh giá thực trạng, lựa chọn bố trí đúng số lượng. Các trường hợp dôi dư giải quyết chế độ thôi việc theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đối với người hoạt động không chuyên trách ở khóm: Rà soát, đánh giá thực trạng, lựa chọn bố trí đúng số lượng.

2.2. Lộ trình thực hiện

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 “chậm nhất là 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành, số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính sau sắp xếp phải bảo đảm đúng theo quy định. Trường hợp đặc biệt báo cáo Bộ Nội vụ đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”. Do đó, dự kiến lộ trình thực hiện bố trí sắp xếp sau khi sáp nhập ĐVHC như sau:

- Năm 2024: Bố trí sắp xếp dứt điểm đối với các chức danh cán bộ chủ chốt và trưởng các đoàn thể để chuẩn bị nhân sự cho Đại hội đảng bộ phường nhiệm kỳ 2025-2030.

- Năm 2025: Bố trí sắp xếp dứt điểm đối với các chức danh công chức và người hoạt động không chuyên trách phường theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Trường hợp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường không có nguyện vọng bố trí làm việc ở đơn vị khác sẽ thực hiện chế độ tinh giản biên chế, nghỉ việc, nghỉ hưu theo quy định.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

Trên cơ sở rà soát đánh giá, phân loại, dự kiến cán bộ, công chức dôi dư, vận động cán bộ, công chức đủ điều kiện thì nghỉ hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

Thực hiện điều động cán bộ, công chức dôi dư sau sắp xếp có đủ tiêu chuẩn theo quy định và có chuyên môn phù hợp vào các cơ quan của Đảng hoặc UBND thành phố Sóc Trăng hoặc các phường thuộc thành phố Sóc Trăng (nếu còn chỉ tiêu biên chế).

Trường hợp chưa bố trí, sắp xếp được thì thực hiện tăng số lượng cán bộ, công chức sau đó có lộ trình sắp xếp giảm dần số lượng đến hết năm 2025 đảm bảo số lượng đúng theo quy định.

Thực hiện giải quyết ngay chế độ chính sách cho cán bộ, công chức đối với trường hợp tự nguyện xin nghỉ việc.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Phương án bố trí trụ sở làm việc

- ĐVHC Phường 1 (mới) sẽ làm việc tại trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND Phường 9 (cũ), số 491 đường Lê Duẩn, Phường 9 (cũ), thành phố Sóc Trăng.

- Các trường học: Giữ nguyên trụ sở làm việc và tài sản hiện có của các điểm trường.
 - Trạm Y tế: Sáp nhập 02 trạm y tế thành 01 trạm y tế mới làm việc tại trụ sở Trạm Y tế Phường 1.
 - Trụ sở BCH Quân sự ĐVHC Phường 1 (mới) làm việc tại Trụ sở BCHQS Phường 1.
 - Trụ sở Công an ĐVHC Phường 1 (mới) làm việc tại trụ sở Công an Phường 9 (cũ).
 - Trụ sở Ban Bảo vệ Dân phố Phường 1 (cũ) tiếp tục sử dụng.
 - Trụ sở Ban nhân dân khóm của ĐVHC Phường 1 (mới):
 - + Ban nhân dân Khóm 1: Sử dụng trụ sở Ban nhân dân Khóm 1, Phường 1 (cũ).
 - + Ban nhân dân Khóm 2: Sử dụng trụ sở Ban nhân dân liên Khóm 1, 2, 3, Phường 9 (cũ).
 - + Ban nhân dân Khóm 3: Sử dụng trụ sở Ban nhân dân liên Khóm 2, 3 Phường 1 (cũ).
 - + Ban nhân dân Khóm 4: Sử dụng trụ sở Ban nhân dân Khóm 4, Phường 9 (cũ).
 - + Ban nhân dân Khóm 5: Sử dụng trụ sở Ban nhân dân Khóm 5, Phường 9 (cũ).
 - + Ban nhân dân Khóm 6: Sử dụng trụ sở Ban nhân dân Khóm 6, Phường 9 (cũ).
 - + Ban nhân dân Khóm 7: Sử dụng trụ sở Ban nhân dân Khóm 4, Phường 1 (cũ).
- 2. Phương án sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC phường**
- Bố trí trụ sở UBND Phường 1 (cũ) cho 3 trạm: Khuyến nông, Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi, Thú y (410 m²).
 - Giao trụ sở Trạm y tế Phường 9 về cho Trung tâm Y tế thành phố để mở rộng trụ sở.
 - Trụ sở BCH Quân sự Phường 9 đưa vào phương án sắp xếp cơ sở nhà, đất theo Nghị định số 167/2021/NĐ-CP ngày 31/7/2021, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 bán đấu giá do diện tích nhỏ (147 m²).
 - Trụ sở Công an Phường 1 (cũ) giao Công an thành phố bố trí sắp xếp cho phù hợp với tình hình thực hiện nhiệm vụ.
 - Tài sản, trang thiết bị làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND, BCH Quân sự, Công an phường: Lựa chọn, tiếp tục sử dụng; trường hợp còn thừa sẽ thực hiện việc kiểm kê, đánh giá, xác định nhu cầu và chuyển tài sản cho các cơ quan, đơn vị khác sử dụng hoặc thanh lý theo quy định.

3. Lộ trình thực hiện: Đến năm 2026 hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị sau sắp xếp (theo quy định tại khoản 2, Điều 13 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15).

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ): Không có

Rà soát, lập danh sách các ĐVHC cấp huyện, cấp xã hiện đang hưởng chế độ, chính sách đặc thù trên địa bàn và xác định lộ trình rà soát, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của ĐVHC hình thành sau sắp xếp để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tiếp tục được hưởng các chế độ, chính sách đặc thù theo quy định tại các điều 14, 15, 16, 17, 18, 19 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Phối hợp cấp ủy cấp huyện theo phân cấp quản lý cán bộ chỉ định cấp ủy chính thức, bí thư, phó bí thư, ban thường vụ đối với những ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp; chỉ đạo, hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư của các cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp.

2. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông của tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, mục đích của việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã để cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh biết, thống nhất thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội

Hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp; xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; tổ chức giám sát quá trình triển khai thực hiện Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

4. Giám đốc (thủ trưởng) sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, chủ tịch UBND thành phố Sóc Trăng, chủ tịch UBND cấp xã có liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Phụ lục kèm theo Đề án này và theo chức năng, nhiệm vụ của ngành có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc và triển khai thực hiện; định kỳ ngày cuối cùng của quý báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

(Đính kèm theo Phụ lục 2-2D)

5. Sở Nội vụ là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan đến sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; chủ trì, phối hợp với

các sở, cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời hướng dẫn, giải đáp nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của các địa phương khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; việc sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; thực hiện tinh giản biên chế; giải quyết chế độ, chính sách đối với những trường hợp dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới ĐVHC, tên gọi ĐVHC; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo: định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nội vụ trước ngày 10 tháng 11 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh các giải pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Nghị quyết số 37-NQ/TW, Kết luận số 48-KL/TW, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Kế hoạch này của UBND tỉnh.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

a) Việc sắp xếp ĐVHC Phường 1 thuộc thành phố Sóc Trăng là phù hợp với chủ trương hiện nay, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đồng thời, cụ thể hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 khóa XII; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

b) Phương án sắp xếp Phường 1 thuộc thành phố Sóc Trăng đã nhận được sự đồng thuận của các ngành, các cấp ở địa phương.

2. Kiến nghị, đề xuất

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2023 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND TPST;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Lâu



THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
				Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các huyện:										
1	Huyện Châu Thành			68.261	50,47		236,15	52,48	135.250	112,71	8
2	Huyện Kế Sách			25.342	11,84		353,26	78,5	214.042	178,37	13
3	Huyện Mỹ Tú			36938	25,65		368,45	81,88	144.026	120,02	9
4	Huyện Cù Lao Dung			5558	6,78		245,04	54,45	81.996	68,33	8
5	Huyện Long Phú			44.483	30,79		264,76	58,83	144.473	120,39	11
6	Huyện Mỹ Xuyên			72.488	37,40		373,14	82,92	193.842	161,53	11
7	Huyện Thạnh Trị			46.236	38,27		287,18	63,82	120.816	100,68	10
8	Huyện Trần Đề			89.682	52,34		381,3	84,73	171.337	142,78	11
II	Các thành phố:										
1	Thành phố Sóc Trăng			56.322	35,09		75,99	50,66	160.486	106,99	10
III	Các thị xã:										
1	Thị xã Vĩnh Châu			147.332	69,69		471	235,5	211.418	211,42	10
2	Thị xã Ngã Năm			8.566	7,86		241,93	120,97	108.995	108,99	8

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các xã:										
1	Xã Hòa Đông	Thị xã Vĩnh Châu			6.389	50,27		45,88	152,93	12.709	158,86
2	Xã Vĩnh Hiệp	Thị xã Vĩnh Châu			1.685	16,06		38,44	128,13	10.493	131,16
3	Xã Vĩnh Hải	Thị xã Vĩnh Châu			19.922	72,47		83,75	279,17	27.492	343,65
4	Xã Lạc Hòa	Thị xã Vĩnh Châu			15.258	80,46		41,28	137,61	18.964	237,05
5	Xã Vĩnh Tân	Thị xã Vĩnh Châu			14.209	69,12		52,08	173,59	20.558	256,98
6	Xã Lai Hòa	Thị xã Vĩnh Châu			22.668	78,35		55,37	184,55	28.933	361,66
7	Xã Vĩnh Quới	Thị xã Ngã Năm			4.353	29,44		31,00	103,33	14.786	184,83
8	Xã Tân Long	Thị xã Ngã Năm			1.076	8,61		32,57	108,55	12.499	156,24
9	Xã Long Bình	Thị xã Ngã Năm			139	1,60		30,16	100,54	8.680	108,50
10	Xã Mỹ Bình	Thị xã Ngã Năm			231	3,12		20,66	68,87	7.396	92,45
11	Xã Mỹ Quới	Thị xã Ngã Năm			445	4,00		29,38	97,93	11.118	138,98
12	Xã Vĩnh Thành	Huyện Thạnh Trị			266	3,43		25,87	86,25	7.746	96,83
13	Xã Vĩnh Lợi	Huyện Thạnh Trị			91	1,20		22,24	74,13	7.563	94,54
14	Xã Châu Hưng	Huyện Thạnh Trị			3.830	42,80		28,71	95,70	8.949	111,86
15	Xã Thạnh Trị	Huyện Thạnh Trị			2.666	20,46		35,36	117,86	13.028	162,85
16	Xã Thạnh Tân	Huyện Thạnh Trị			6.056	41,99		39,39	131,29	14.424	180,30
17	Xã Tuấn Tức	Huyện Thạnh Trị			8.725	73,64		30,75	102,49	11.848	148,10
18	Xã Lâm Tân	Huyện Thạnh Trị			4.390	38,39		41,54	138,47	11.437	142,96
19	Xã Lâm Kiết	Huyện Thạnh Trị			5.338	60,19		18,54	61,78	8.868	110,85
25	Xã Đại Ân 2	Huyện Trần Đề			7.961	52,53		28,66	95,53	15.156	189,45
26	Xã Liêu Tú	Huyện Trần Đề			14.192	77,87		50,44	168,14	18.225	227,81
27	Xã Lịch Hội Thượng	Huyện Trần Đề			4.487	45,96		28,15	93,84	9.763	122,04

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
21	Xã Viên An	Huyện Trần Đề			11.570	89,01		27,00	90,00	12.999	162,49
22	Xã Thạnh Thới An	Huyện Trần Đề			5.988	37,73		51,18	170,60	15.871	198,39
23	Xã Thạnh Thới Thuận	Huyện Trần Đề			102	0,82		35,97	119,91	12.396	154,95
24	Xã Viên Bình	Huyện Trần Đề			9.163	75,16		32,71	109,04	12.191	152,39
28	Xã Trung Bình	Huyện Trần Đề			7.390	40,59		46,31	154,38	18.204	227,55
20	Xã Tài Văn	Huyện Trần Đề			15.142	75,60		41,07	136,90	20.028	250,35
29	Xã Đại Tâm	Huyện Mỹ Xuyên			17.616	84,65		25,86	86,22	20.809	260,11
30	Xã Tham Đôn	Huyện Mỹ Xuyên			16.265	74,53		49,25	164,18	21.823	272,79
31	Xã Thạnh Phú	Huyện Mỹ Xuyên			15.800	56,45		47,94	159,79	27.991	349,89
32	Xã Ngọc Đông	Huyện Mỹ Xuyên			206	1,63		35,51	118,36	12.641	158,01
33	Xã Thạnh Quới	Huyện Mỹ Xuyên			16.813	55,25		50,93	169,76	30.431	380,39
34	Xã Hòa Tú 1	Huyện Mỹ Xuyên			192	1,80		31,97	106,57	10.661	133,26
35	Xã Gia Hòa 1	Huyện Mỹ Xuyên			242	2,44		27,65	92,18	9.921	124,01
36	Xã Ngọc Tổ	Huyện Mỹ Xuyên			435	3,57		27,77	92,57	12.171	152,14
37	Xã Gia Hòa 2	Huyện Mỹ Xuyên			0	0,00		26,13	87,10	9.819	122,74
38	Xã Hòa Tú 2	Huyện Mỹ Xuyên			198	1,46		35,18	117,28	13.580	169,75
39	Xã Song Phụng	Huyện Long Phú			135	1,37		21,18	70,59	9.827	122,84
40	Xã Hậu Thạnh	Huyện Long Phú			127	1,92		13,92	46,42	6.613	82,66
41	Xã Long Đức	Huyện Long Phú			183	1,50		29,69	98,97	12.230	152,88
42	Xã Trường Khánh	Huyện Long Phú			9.523	49,56		30,58	101,92	19.217	240,21
43	Xã Phú Hữu	Huyện Long Phú			221	2,55		13,83	46,11	8.680	108,50
44	Xã Tân Hưng	Huyện Long Phú			10.407	64,67		33,22	110,72	16.092	201,15
45	Xã Châu Khánh	Huyện Long Phú			116	1,45		15,54	51,79	7.996	99,95
46	Xã Tân Thạnh	Huyện Long Phú			281	2,46		22,05	73,51	11.439	142,99
47	Xã Long Phú	Huyện Long Phú			16.186	76,78		50,09	166,96	21.080	263,50
48	Xã An Thạnh 1	Huyện Cù Lao Dung			74	0,70		29,81	99,36	10.589	132,36

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
49	Xã An Thạnh Tây	Huyện Cù Lao Dung			149	1,96		17,44	58,12	7.583	94,79
50	Xã An Thạnh Đông	Huyện Cù Lao Dung			565	4,72		40,27	134,24	11.971	149,64
51	Xã Đại Ân 1	Huyện Cù Lao Dung			311	2,63		40,94	136,45	11.813	147,66
52	Xã An Thạnh 2	Huyện Cù Lao Dung			1.249	12,08		25,26	84,19	10.342	129,28
53	Xã An Thạnh 3	Huyện Cù Lao Dung			1.136	8,10		41,68	138,94	14.024	175,30
54	Xã An Thạnh Nam	Huyện Cù Lao Dung			1.965	22,80		42,25	140,82	8.620	107,75
55	Xã Long Hưng	Huyện Mỹ Tú			223	1,32		39,71	132,38	16.895	211,19
56	Xã Hưng Phú	Huyện Mỹ Tú			217	1,36		40,00	133,34	15.955	199,44
57	Xã Mỹ Hương	Huyện Mỹ Tú			528	4,06		26,57	88,58	13.014	162,68
58	Xã Mỹ Tú	Huyện Mỹ Tú			271	1,79		42,24	140,81	15.144	189,30
59	Xã Mỹ Phước	Huyện Mỹ Tú			269	1,16		97,36	324,53	23.124	289,05
60	Xã Thuận Hưng	Huyện Mỹ Tú			9.808	54,76		36,82	122,72	17.912	223,90
61	Xã Mỹ Thuận	Huyện Mỹ Tú			6.938	51,87		32,96	109,87	13.376	167,20
62	Xã Phú Mỹ	Huyện Mỹ Tú			18.211	93,09		41,35	137,84	19.562	244,53
63	Xã Hồ Đắc Kien	Huyện Châu Thành			3.759	19,84		47,51	158,38	18.946	236,83
64	Xã Phú Tâm	Huyện Châu Thành			10.607	48,41		41,00	136,65	21.909	273,86
65	Xã Thuận Hòa	Huyện Châu Thành			7.418	66,79		18,39	61,29	11.107	138,84
66	Xã Phú Tân	Huyện Châu Thành			14.894	80,06		27,47	91,55	18.605	232,56
67	Xã Thiện Mỹ	Huyện Châu Thành			557	4,62		25,10	83,66	12.062	150,78
68	Xã An Hiệp	Huyện Châu Thành			15.218	68,36		32,47	108,24	22.262	278,28
69	Xã An Ninh	Huyện Châu Thành			10.037	54,20		36,34	121,12	18.517	231,46
70	Xã Xuân Hòa	Huyện Kế Sách			10	0,04		38,14	127,12	26.634	665,85
71	Xã Phong Năm	Huyện Kế Sách			32	0,50		17,30	57,68	6.369	79,61
72	Xã An Lạc Tây	Huyện Kế Sách			164	1,40		27,70	92,33	11.752	146,90
73	Xã Trinh Phú	Huyện Kế Sách			1.189	7,49		26,55	88,49	15.884	198,55

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
74	Xã Ba Trinh	Huyện Kế Sách			188	1,07		31,85	106,17	17.579	219,74
75	Xã Thới An Hội	Huyện Kế Sách			5.156	26,24		32,62	108,75	19.653	245,66
76	Xã Nhơn Mỹ	Huyện Kế Sách			303	1,90		29,20	97,34	15.927	398,18
77	Xã Kế Thành	Huyện Kế Sách			6.603	48,45		25,47	84,89	13.628	170,35
78	Xã Kế An	Huyện Kế Sách			307	2,81		21,48	71,59	10.921	136,51
79	Xã Đại Hải	Huyện Kế Sách			442	1,72		38,66	128,88	25.726	321,58
80	Xã An Mỹ	Huyện Kế Sách			3.048	16,89		29,35	97,84	18.048	225,60
II	Các thị trấn:										
1	Thị trấn Phú Lộc	Huyện Thạnh Trị			4.509	21,63		25,35	181,08	20.843	260,54
2	Thị trấn Hưng Lợi	Huyện Thạnh Trị			10.365	64,33		19,44	138,85	16.111	201,39
3	Thị trấn Trần Đề	Huyện Trần Đề			3.588	19,37		18,95	135,37	18.528	231,60
4	Thị trấn Lịch Hội Thượng	Huyện Trần Đề			10.099	56,18		20,84	148,89	17.976	224,70
5	Thị trấn Mỹ Xuyên	Huyện Mỹ Xuyên			4.369	18,21		14,94	106,71	23.994	299,93
6	Thị trấn Long Phú	Huyện Long Phú			6.765	35,49		26,69	190,62	19.063	238,29
7	Thị trấn Đại Ngãi	Huyện Long Phú			539	4,35		7,98	56,98	12.401	155,01
8	Thị trấn Cù Lao Dung	Huyện Cù Lao Dung			109	1,55		7,40	52,82	7.054	88,18
9	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Huyện Mỹ Tú			473	5,20		11,43	81,62	9.099	113,74
10	Thị trấn Châu Thành	Huyện Châu Thành			5.771	48,73		7,88	56,28	11.842	148,03
11	Thị trấn Kế Sách	Huyện Kế Sách			7.767	42,58		14,64	104,55	18.240	228,00
12	Thị trấn An Lạc Thôn	Huyện Kế Sách			133	0,97		20,30	145,03	13.683	171,04
III	Các phường:										
1	Pường 1	Thành phố Sóc Trăng			3.445	52,30		0,29	5,27	6.587	94,10
2	Pường 2	Thành phố Sóc Trăng			5.916	19,60		6,17	112,18	30.187	431,24286
3	Pường 3	Thành phố Sóc Trăng			6.542	20,70		6,16	112,00	31.597	451,39

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Phường 4	Thành phố Sóc Trăng			5.425	33,82		8,86	161,09	16.040	229,14
5	Phường 5	Thành phố Sóc Trăng			12.746	70,26		21,47	390,36	18.141	259,16
6	Phường 6	Thành phố Sóc Trăng			3.769	26,85		2,16	39,27	14.038	200,54
7	Phường 7	Thành phố Sóc Trăng			4.436	41,91		7,93	144,18	10.584	151,20
8	Phường 8	Thành phố Sóc Trăng			6.111	38,44		10,11	183,82	15.898	227,11
9	Phường 9	Thành phố Sóc Trăng			4.289	39,40		5,31	96,48	10.887	155,53
10	Phường 10	Thành phố Sóc Trăng			3.643	55,82		7,54	137,13	6.526	93,23
11	Phường 1	Thị xã Ngã Năm			1.582	8,21		19,52	354,85	19.266	385,32
12	Phường 2	Thị xã Ngã Năm			314	1,31		44,78	814,09	24.061	481,22
13	Phường 3	Thị xã Ngã Năm			426	3,81		33,87	615,87	11.189	223,78
14	Phường 1	Thị xã Vĩnh Châu			11.779	60,40		13,37	243,11	19.501	390,02
15	Phường 2	Thị xã Vĩnh Châu			27.031	93,36		43,61	792,92	28.955	579,10
16	Phường Vĩnh Phước	Thị xã Vĩnh Châu			23.848	79,80		51,07	928,49	29.886	597,72
17	Phường Khánh Hòa	Thị xã Vĩnh Châu			4.543	32,62		46,16	839,26	13.926	278,52

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

SÓC TRĂNG



THÔNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Ban hành kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các phường:										
1	Phường 1	Thành phố Sóc Trăng			3.445	52,30		0,29	5,27	6.587	94,10

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



TỈNH SÓC TRĂNG

Phụ lục 2-2C

**PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP KHÓM
KHI THỰC HIỆN SÁP XẾP ĐVHC PHƯỜNG 1, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**

(Ban hành kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /02/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

STT	Hiện trạng				ĐVHC Phường 1 (mới)	
	Phường 1		Phường 9			
	Tên khóm	Số hộ	Tên khóm	Số hộ	Tên khóm	Số hộ
1	Khóm 1	404	Khóm 1	163	Khóm 1 (Sáp nhập Khóm 1 Phường 1 (cũ) và Khóm 1 Phường 9 lấy tên là Khóm 1 thuộc Phường 1 (mới))	567
2	Khóm 2	259	Khóm 2	150	Khóm 2 (Sáp nhập Khóm 2, Khóm 3 Phường 9 lấy tên là Khóm 2 thuộc Phường 1 (mới))	480
3	Khóm 3	365	Khóm 3	330	Khóm 3 (Sáp nhập Khóm 2, Khóm 3 Phường 1 (cũ) lấy tên là Khóm 3 thuộc Phường 1 (mới))	624
4	Khóm 4	381	Khóm 4	535	Khóm 4 (Chuyển Khóm 4 Phường 9 thành Khóm 4 thuộc Phường 1 (mới))	535
5			Khóm 5	537	Khóm 5 (Chuyển Khóm 5 Phường 9 thành Khóm 5 thuộc Phường 1 (mới))	537
6			Khóm 6	488	Khóm 6 (Chuyển Khóm 6 Phường 9 thành Khóm 6 thuộc Phường 1 (mới))	488
7					Khóm 7 (Đổi tên Khóm 4 Phường 1 (cũ) thành Khóm 7 thuộc Phường 1 (mới))	381

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



TỈNH SÓC TRĂNG

Phụ lục 2-2D

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Ban hành kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /02/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
I	Hoàn thiện chính sách, pháp luật làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025					
1	- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn UBND thành phố Sóc Trăng rà soát điều chỉnh quy hoạch đô thị đối với các ĐVHC đô thị dự kiến có liên quan để sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, đề xuất các biện pháp để đảm bảo và tiếp tục nâng cao chất lượng đô thị sau khi hoàn thành sắp xếp - Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các địa phương rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn để bảo đảm sự thống nhất giữa các quy hoạch này với phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã - Hướng dẫn thực hiện đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với các phường khi thực hiện sắp xếp ĐVHC đô thị	Sở Xây dựng	Sở Nội vụ và UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo UBND tỉnh	Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn	Theo thời gian quy định của Bộ Xây dựng

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2	Hướng dẫn việc lập dự toán, định mức chi; việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 và hướng dẫn việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp và các văn bản Hướng dẫn của Bộ Tài chính	Sở Tài chính	UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo UBND tỉnh	Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn	
3	- Triển khai hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các quy hoạch của địa phương theo Luật Quy hoạch và các quy định của pháp luật về quy hoạch đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 theo văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Triển khai hướng dẫn việc thực hiện nguồn vốn đầu tư công tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 theo văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo UBND tỉnh	Văn bản triển khai, hướng dẫn	
4	- Cung cấp số liệu diện tích tự nhiên theo kết quả kiểm kê đất đai và thống kê hằng năm của từng ĐVHC cấp huyện, cấp xã - Hướng dẫn việc rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục Thống kê tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã	Gửi Sở Nội vụ tổng hợp	Văn bản cung cấp số liệu về diện tích tự nhiên và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn	



Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
5	Hướng dẫn các địa phương tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực hộ tịch và lý lịch tư pháp; hướng dẫn theo thẩm quyền việc áp dụng pháp luật về các nội dung liên quan khi thực hiện thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan	Báo cáo UBND tỉnh	Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn	
6	- Hướng dẫn và thực hiện việc cung cấp số liệu dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi của từng ĐVHC cấp huyện, cấp xã - Hướng dẫn, thực hiện việc thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã do thực hiện sắp xếp - Hướng dẫn và thực hiện việc xác định các ĐVHC cấp xã là đơn vị trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan	- Gửi Sở Nội vụ tổng hợp - Báo cáo UBND tỉnh - Báo cáo UBND tỉnh	- Văn bản cung cấp số liệu - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn - Văn bản xác định ĐVHC trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự	
7	- Hướng dẫn và thực hiện việc xác định các ĐVHC cấp xã là đơn vị trọng điểm về quốc phòng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND	Gửi Sở Nội vụ tổng hợp	- Văn bản xác định ĐVHC trọng điểm về quốc phòng	



Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	- Hướng dẫn và tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện việc công nhận ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp được phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân		thành phố Sóc Trăng		- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền	
8	- Hướng dẫn việc thực hiện dự án, tiểu dự án và các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 - Hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và chính sách đối với người có công tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo UBND tỉnh	Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn	
9	- Hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh thực hiện các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp - Hướng dẫn và thực hiện theo thẩm quyền việc công nhận ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp thuộc khu vực miền núi, vùng cao; ĐVHC cấp xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I; thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo UBND tỉnh	Quyết định của cơ quan có thẩm quyền	



Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
10	Lập dự toán, định mức chi; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15	Sở Nội vụ, Sở Xây dựng; UBND thành phố Sóc Trăng		Báo cáo UBND tỉnh	Văn bản/Quyết định về phê duyệt dự toán, các văn bản khác	
II	Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Phương án, Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã (cụ thể hóa các nhiệm vụ được nêu tại mục II, Kế hoạch này)					
1	Tổ chức triển khai và công tác tuyên truyền, vận động					
1.1	Tham mưu UBND tỉnh Tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 trong toàn tỉnh	Sở Nội vụ	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; các sở, ngành cấp tỉnh; UBND thành phố Sóc Trăng		Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn	Thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này
1.2	Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thông tin, tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, của các ngành, các cấp, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã	- Sở Thông tin và Truyền thông; - Báo Sóc Trăng, Đài phát thanh – Truyền hình tỉnh Sóc	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; các sở, ngành cấp tỉnh; UBND thành phố Sóc Trăng		Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; các chương trình, chuyên đề, chuyên mục, ấn phẩm...	Thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Trăng và các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội				
2	Xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025					
2.1	Xây dựng phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã toàn tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Xây dựng, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Phương án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện	chậm nhất là ngày 30 tháng 9 năm 2023
2.2	UBND thành phố Sóc Trăng xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp xã của địa phương mình (sau khi có ý thống nhất của Ban Thường vụ Thành ủy); trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh (cùng gửi Sở Nội vụ tổng hợp)	UBND thành phố Sóc Trăng	Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã của địa phương	chậm nhất là ngày 31 tháng 8 năm 2023

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2.3	Sở Nội vụ tiếp thu, tổng hợp, hoàn thiện Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong toàn tỉnh, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh xem xét, quyết định	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã	chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2023
2.4	Sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh có văn bản gửi Bộ Nội vụ về Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thành phố Sóc Trăng	Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản báo cáo Bộ Nội vụ	Văn bản của UBND tỉnh kèm Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã, gửi Bộ Nội vụ	chậm nhất là ngày 30 tháng 9 năm 2023
2.5	Hoàn thiện Phương án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh (sau khi tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ); báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét thống nhất; tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nội vụ Phương án tổng thể để tổng hợp	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Tham mưu UBND tỉnh để báo cáo Bộ Nội vụ	Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh sau khi tiếp thu	Sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ
3	Xây dựng Báo cáo rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn của phân loại đô thị và thực hiện đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với ĐVHC cấp xã hình thành mới sau sắp xếp theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và gửi lấy ý kiến của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng	Sở Nội vụ và UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Văn bản của UBND tỉnh, gửi kèm Báo cáo trình Bộ Xây dựng thẩm định,	Theo thời gian quy định của Bộ Xây dựng



Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
					cho ý kiến thẩm định	
4	Xây dựng và trình Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã					
4.1	Đề xuất thời gian trình hồ sơ Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Văn bản của UBND tỉnh gửi Bộ Nội vụ tổng hợp	
4.2	UBND thành phố Sóc Trăng xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của địa phương, trình Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt trước khi báo cáo, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, (cùng gửi Sở Nội vụ) để tổng hợp, xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã chung của tỉnh	UBND thành phố Sóc Trăng	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Đề án sắp xếp của UBND thành phố Sóc Trăng	Chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2023
4.3	Sở Nội vụ tổng hợp, xây dựng, hoàn thiện Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh; báo cáo, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh để tổ chức việc lấy ý kiến cử tri và trình HĐND các cấp thông qua	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Đề án sắp xếp chung của tỉnh	Chậm nhất là ngày 15 tháng 01 năm 2024
5	Tổ chức triển khai thực hiện Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã					



Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
5.1	Tổ chức lấy ý kiến cử tri trên địa bàn ĐVHC cấp xã liên quan Đề án					
5.1.1	Chỉ đạo các địa phương tổ chức lấy ý kiến cử tri, ý kiến của HĐND cấp huyện, cấp xã	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo UBND tỉnh	Văn bản của UBND tỉnh	
5.1.2	Gửi Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã đến UBND thành phố Sóc Trăng để tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến cử tri	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo UBND tỉnh	Văn bản của UBND tỉnh	
5.1.3	UBND thành phố Sóc Trăng căn cứ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã được UBND tỉnh gửi đến tổ chức lấy ý kiến cử tri trên địa bàn ĐVHC cấp xã liên quan Đề án theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC và các văn bản có liên quan; tổng hợp, báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri về UBND tỉnh (cùng gửi Sở Nội vụ để tổng hợp).	UBND thành phố Sóc Trăng	Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan từ tỉnh đến cơ sở	Báo cáo UBND tỉnh	Báo cáo của UBND thành phố Sóc Trăng về kết quả lấy ý kiến của cử tri tại các địa phương	Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm 2024



Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
5.1.4	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn toàn tỉnh về Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; hoàn thiện Đề án, trình UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo để thực hiện quy trình lấy ý kiến HĐND các cấp	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thành phố Sóc Trăng	Báo cáo UBND tỉnh	Văn bản trình UBND tỉnh (kèm Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri)	Chậm nhất là ngày 10 tháng 02 năm 2024
5.2	Trình HĐND cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh xem xét, ban hành nghị quyết thông qua Đề án					
5.2.1	Gửi Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã đến HĐND cấp huyện, cấp xã tại các địa phương thực hiện sắp xếp để thực hiện quy trình việc lấy ý kiến HĐND cấp huyện, cấp xã	Sở Nội vụ	UBND thành phố Sóc Trăng các cơ quan, đơn vị liên quan	Trình UBND tỉnh	Văn bản của UBND tỉnh gửi HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã nơi thực hiện sắp xếp	
5.2.2	HĐND cấp xã họp thảo luận, biểu quyết về việc tán thành hoặc không tán thành chủ trương sắp xếp các ĐVHC	Căn cứ Văn bản của UBND tỉnh	Sở Nội vụ; UBND thành phố Sóc Trăng	Trình HĐND cấp xã	Nghị quyết của HĐND cấp xã; báo cáo Tổng hợp kết quả biểu quyết của HĐND	Chậm nhất là ngày 20 tháng 02 năm 2024

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
5.2.3	HĐND thành phố Sóc Trăng họp thảo luận, biểu quyết về việc tán thành hoặc không tán thành chủ trương sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	Căn cứ Văn bản của UBND tỉnh	Sở Nội vụ; UBND thành phố Sóc Trăng	Trình HĐND thành phố Sóc Trăng	Nghị quyết của HĐND thành phố Sóc Trăng; Báo cáo Tổng hợp kết quả biểu quyết của HĐND cấp xã trên địa bàn; Báo cáo Tổng hợp kết quả biểu quyết của HĐND thành phố Sóc Trăng	Chậm nhất là ngày 29 tháng 02 năm 2024
5.2.4	HĐND tỉnh họp thảo luận, biểu quyết về việc tán thành hoặc không tán thành chủ trương sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Trình UBND tỉnh ban hành Tờ trình, Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết	Tờ trình của UBND tỉnh (kèm dự thảo Nghị quyết và các tài liệu gửi kèm); Nghị quyết của HĐND tỉnh; Báo cáo Tổng hợp kết quả biểu quyết của HĐND cấp xã trên địa bàn; Báo cáo Tổng hợp kết quả	Chậm nhất là ngày 15 tháng 3 năm 2024



Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
					biểu quyết của HĐND thành phố Sóc Trăng	
6	Hoàn thiện Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, trình Chính phủ (gửi Bộ Nội vụ)	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Trình UBND tỉnh	Văn bản của UBND tỉnh trình Chính phủ, Bộ Nội vụ (có kèm hồ sơ liên quan)	Chậm nhất là ngày 20 tháng 3 năm 2024
7	Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kiện toàn tổ chức bộ máy và áp dụng các chế độ, chính sách đặc thù của ĐVHC hình thành sau sắp xếp					
7.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đúng thời hạn theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, UBND thành phố Sóc Trăng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Cấp có thẩm quyền theo quy định	Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Theo thời gian quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15
7.2	Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, danh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn	Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC cấp huyện,



Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
						cấp xã có hiệu lực thi hành
7.3	Thực hiện số lượng lãnh đạo, quản lý và cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, UBND thành phố Sóc Trăng; các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Cấp có thẩm quyền theo quy định	Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Theo thời gian quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15
7.4	Thực hiện sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15	Sở Tài chính, UBND thành phố Sóc Trăng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Cấp có thẩm quyền theo quy định	Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Theo thời gian quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15
7.5	Thực hiện chế độ, chính sách theo các Chương trình mục tiêu quốc gia đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Cấp có thẩm quyền theo quy định	Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Theo thời gian quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15
7.6	Lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận ĐVHC cấp xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; việc công nhận ĐVHC cấp	Ban Dân tộc, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ,	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Trình UBND tỉnh	Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Theo thời gian quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15



Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi Văn bản	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	huyện, cấp xã được phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng lao động; việc phân loại đô thị, phân loại ĐVHC hình thành sau sắp xếp và việc chuyển đổi giấy tờ cho cá nhân, tổ chức theo quy định tại các điều từ Điều 16 đến Điều 21 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15	Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị quản lý, phục trách nội dung, lĩnh vực				
7.7	Tổ chức lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp liên quan đến ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Trình UBND tỉnh	Hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính đã được chỉnh lý, bổ sung	Chậm nhất là 6 tháng kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC cấp huyện, cấp xã có hiệu lực thi hành
8	Sơ kết việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025					
8.1	Tổ chức sơ kết việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025 của từng địa phương, đơn vị	UBND thành phố Sóc Trăng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Gửi báo cáo Sở Nội vụ tổng hợp	Hội nghị sơ kết, Báo cáo sơ kết	
8.2	Tổ chức sơ kết sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025 toàn tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	UBND tỉnh	Hội nghị sơ kết, Báo cáo sơ kết	

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

TTĐ(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1900/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: ...C...
Ngày: ...05/10...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, điều kiện, thủ tục công nhận xã đảo;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016 và ý kiến của Bộ Nội vụ tại Tờ trình số 4220/TTr-BNV ngày 8 tháng 9 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 11 xã, thị trấn gồm: Xã An Thạnh 1, xã An Thạnh 2, xã An Thạnh 3, xã An Thạnh Đông, xã An Thạnh Tây, xã An Thạnh Nam, xã Đại Ân 1, thị trấn Cù Lao Dung thuộc huyện Cù Lao Dung và xã Phong Năm, xã An Lạc Tây, xã Nhơn Mỹ thuộc huyện Kế Sách là xã đảo.

Điều 2. Các xã, thị trấn nêu tại Điều 1 được thực hiện chính sách ưu đãi đối với xã đảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Sóc Trăng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, V.III (03b). Huyện 420

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH
HUYỆN CÙ LAO DUNG TỈNH SÓC TRĂNG

TỈNH TRÀ VINH

HUYỆN LONG PHÚ

HUYỆN TRẦN ĐỀ

CHÚ THÍCH

- | | | | |
|--|------------------|--------------|----------------------|
| | Địa giới Tỉnh | | UBND huyện |
| | Địa giới Huyện | | UBND xã, Thị trấn |
| | Địa giới Xã | | Bệnh viện, Trạm Y tế |
| | Địa giới ấp | | Chùa, nhà thờ |
| | Đường giao thông | | Trường học |
| | Đê bao | AN PHÚ | Tên ấp |
| | Sông, Kênh, Rạch | AN THÀNH NAM | Tên xã |



106
0.00

107
0.00

108
0.00

105
0.00

104
0.00